

**SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TIỀN GIANG
TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG**



**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI**

NĂM 2023

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TC:	Trung cấp
SC:	Sơ cấp
HS:	Học sinh
QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban Nhân dân
BCH:	Ban chấp hành
TCGDNN:	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
LĐTBOXH:	Lao động Thương binh Xã hội
KĐCL:	Kiểm định chất lượng
CNSP:	Cử nhân sư phạm
CN:	Cử nhân
QL:	Quản lý
CN QTKD:	Cử nhân quản trị kinh doanh
CN KT:	Cử nhân kinh tế
KS:	Kỹ sư
ThS:	Thạc sĩ
ĐHSP:	Đại học sư phạm
CBGV- NV:	Cán bộ giáo viên nhân viên
GTVL:	Giới thiệu việc làm
CNH-HĐH:	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
BGH:	Ban giám hiệu
KTX:	Ký túc xá
GDTX:	Giáo dục thường xuyên
CBVC:	Cán bộ viên chức
NSNN:	Ngân sách nhà nước
<i>CTMTQG:</i>	<i>Chương trình mục tiêu quốc gia</i>
<i>TTND:</i>	<i>Thanh tra nhân dân</i>
QLHS :	Quản lý học sinh
HC-TH:	Hành chính- Tổng hợp

PHẦN I- GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Thời điểm báo cáo- Đến ngày 15/12/2023

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1.1. Tên trường: **TRƯỜNG TRUNG CẤP GÒ CÔNG**

1.2. Cơ quan chủ quản: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang

1.3. Địa chỉ:

Cơ sở 1: Số 26/1 Đường Võ Thị Lớ, Khu phố 5, Phường 4, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang

Cơ sở 2: 91 Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Gò Công, Tỉnh Tiền Giang.

1.4. Điện thoại liên hệ :(073) 3514.250 – 3514.416 – 3514.417

1.5. Website : <http://tcngocong.edu.vn>

1.6. Email : pdttcgocong@gmail.com Năm thành lập trường: 2019

1.7. Loại hình trường : Công lập: Tư thực:

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG.

Trường Trung cấp Gò Công là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Tiền Giang, thành lập theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trên cơ sở hợp nhất Trường Trung cấp nghề Khu Vực Gò Công và Trường Trung cấp Bách Khoa Gò Công đều trực thuộc Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Tiền Giang. Trường có chức năng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ trung cấp và các trình độ thấp hơn; giáo dục đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, rèn luyện sức khỏe; mở rộng hoạt động liên kết đào tạo với các Trường Đại học, Cao đẳng nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể học lên bậc học cao hơn và có khả năng tìm việc làm; giáo dục trình độ văn hóa, bậc trung học phổ thông theo chương trình giáo dục thường xuyên; hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cấp trung học phổ thông, phục vụ cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà và các tỉnh trong khu vực.

* Cơ chế hoạt động

Trường Trung cấp Gò Công đào tạo, bồi dưỡng nhân lực có trình độ trung cấp, dạy nghề thường xuyên, giáo dục thường xuyên cho học sinh Trung cấp của trường phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội Thị Xã Gò Công và tỉnh Tiền Giang, vùng lân cận. Liên kết, hợp tác với các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung cấp trong và ngoài nước thực hiện các chương trình đào tạo trong

khuôn khổ Luật giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường Trung cấp và dạy nghề phổ thông cho học sinh trên địa bàn thị xã Gò Công.

Thực hiện 03 công khai và cam kết về: Công khai chất lượng đào tạo; Công khai các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên; Công khai thu chi tài chính.

Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức giảng dạy, học tập, quản lý người học và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục; công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền.

Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy theo qui định của Bộ LĐ-TB & XH.

Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; thực hiện các dịch vụ khoa học - kỹ thuật, sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Tổ chức bộ máy nhà trường, tuyển dụng, quản lý, sử dụng và đãi ngộ công chức, viên chức.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục, dạy nghề và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng chuẩn nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và đánh giá năng lực sư phạm giáo viên.

Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và chi cho các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với gia đình người học, tổ chức, cá nhân, trong hoạt động giáo dục; tổ chức cho cán bộ, viên chức và người học tham gia các hoạt động xã hội.

Liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hội, đoàn thể, hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước theo đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với sử dụng và việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn lực cho nhà trường.

Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

*** Nhiệm vụ**

- Đào tạo hệ Trung cấp, sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn dưới 3 tháng gồm 16 ngành nghề: Cơ điện tử; Cơ điện lạnh thủy sản; Điện công nghiệp; Điện tử CN; Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều

kiến công nghiệp; Công nghệ ô tô; Hàn; Cắt gọt kim loại; Kỹ thuật xây dựng; May CN; Quản trị mạng; Kế toán doanh nghiệp; Tin học văn phòng; Tin học ứng dụng, Nghiệp vụ nhà hàng.

- Giảng dạy chương trình Trung học phổ thông hệ giáo dục thường xuyên (GDTX) và tổ chức giáo dục hướng nghiệp dạy nghề phổ thông cho học sinh trung học phổ thông cho học sinh lớp 11 trên địa bàn thị xã Gò Công gồm 03 nghề: Cắt may, Sửa chữa xe gắn máy, Điện dân dụng.

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

+ Khoa Cơ khí – Xây dựng: 14 người

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Hồng Châu	Trưởng khoa
2	Võ Huy Cường	Tổ trưởng tổ kỹ thuật cơ khí động lực
3	Diệp Minh Hiếu	Tổ trưởng tổ kỹ thuật cơ khí chế tạo
4	Trần Nguyễn Nam Anh	Giáo viên
5	Nguyễn Ngọc Minh Tín	Giáo viên
6	Lê Hoàng Linh	Giáo viên
7	Lê Minh Duy	Giáo viên
8	Lê Minh Hải	Giáo viên
9	Hồ Thế Truyền	Giáo viên
10	Lê Trần Hải Đăng	Giáo viên
11	Nguyễn Ngọc Tâm	Giáo viên
12	Trương Trung Nghĩa	Giáo viên
13	Trần Hoàng Vương	Giáo viên
14	Lưu Quốc Bằng	Giáo viên

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên nghề: Cắt gọt kim loại

Mã nghề: 5520121

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Tập trung

Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo:

+ 02 năm đối với học sinh Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương.

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo học sinh nghề Cắt gọt kim loại có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có đạo đức, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho các em có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

- Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng đáp ứng các yêu cầu của xã hội, đảm bảo chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, phù hợp với trình độ khoa học, công nghệ hiện tại. Chương trình bảo đảm liên thông lên trình độ cao đẳng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Phân tích được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt;
- + Giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 – 2245;
- + Phân tích được độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công;
- + Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề;
- + Phân tích được quy trình công nghệ gia công cơ, hệ thống công nghệ;
- + Vận dụng được kiến thức cơ bản về quá trình cắt gọt kim loại để giải quyết một số nhiệm vụ công nghệ thực tiễn;
- + Trình bày được nguyên tắc, trình tự chuẩn bị phục vụ cho quá trình sản xuất;
- + Phân tích được quy trình vận hành, thao tác, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp các máy gia công cắt gọt của ngành;
- + Trình bày được phương pháp gia công cắt gọt theo từng công nghệ, các dạng sai hỏng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục;
- + Phân tích được nguyên tắc lập trình, quy trình vận hành, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC);
- + Giải thích được ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác phòng chống tai nạn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, sơ cứu thương nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và cho sản xuất và các biện pháp nhằm giảm cường độ lao động, tăng năng suất;
- + Có khả năng tổ chức và quản lý một phân xưởng sản xuất độc lập;
- + Có khả năng làm việc nhóm;
- + Có khả năng tiếp tục học tập lên cao.
- + Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước và Luật lao động;

- + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, lao động có chất lượng và năng suất cao, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp;
- + Có khả năng tuyên truyền, giải thích về trách nhiệm của công dân đối với nền quốc phòng của đất nước.

- + Có kiến thức căn bản về công nghệ thông tin, đáp ứng nhu cầu công việc.

- Kỹ năng:

- + Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp;
- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp;
- + Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ cắt cầm tay;
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề;

- + Thiết kế được quy trình công nghệ gia công cơ đạt yêu cầu kỹ thuật;

- + Sử dụng thành thạo các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy thông dụng và cơ bản đạt cấp chính xác từ cấp 7 đến cấp 9, độ nhám từ Rz20 đến Ra2.5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;

- + Có khả năng vận hành, điều chỉnh máy gia công những công nghệ phức tạp đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy;

- + Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá và vật gia công;

- + Thiết kế và chế tạo được chi tiết, thiết bị cơ khí đơn giản;

- + Chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản;

- + Lập được chương trình gia công, vận hành và điều chỉnh được các máy công cụ điều khiển số (tiện, phay CNC) để gia công các loại chi tiết máy đạt cấp chính xác từ cấp 7 đến cấp 9, độ nhám từ Rz20 đến Ra2.5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.

- + Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Tự học tập, nghiên cứu khoa học về chuyên ngành;

- + Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

- + Trực tiếp gia công trên các máy công cụ của nghề và máy tiện, phay CNC;

- + Cán bộ kỹ thuật trong phân xưởng, nhà máy, công ty có liên quan đến ngành cơ khí;

- + Tổ trưởng sản xuất;

- + Quản đốc phân xưởng trong các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, kinh doanh các sản phẩm cơ khí;
- + Có khả năng tự tạo việc làm;
- + Tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 30 → 31
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 68 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1605 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 425 giờ; Thực hành, thực tập: 1135 giờ; Thi, kiểm tra: 45 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/b ài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	1	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	57	1605	425	1135	45
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	11	210	104	95	11
MH 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	2	45	15	28	2
MH 08	AUTOCAD	2	45	15	28	2
MH 09	Dung sai lắp ghép và Đo lường kỹ thuật	2	30	18	10	2

MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	28	0	2
MH 11	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	1	15	14	0	1
MĐ 12	Nguội cơ bản	2	45	14	29	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	46	1395	321	1040	34
II.2.1	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề bắt buộc	37	1185	246	913	26
MĐ 13	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài $\approx 10d$, tiện cắt rãnh, cắt đứt	4	105	23	80	2
MĐ 14	Tiện lỗ	1	45	12	32	1
MĐ 15	Tiện côn	1	45	8	36	1
MĐ 16	Tiện ren tam giác	2	60	16	42	2
MĐ 17	Tiện ren vuông	2	45	10	34	1
MĐ 18	Tiện ren thang	2	45	10	34	1
MĐ 19	Tiện CNC cơ bản	3	75	33	39	3
MĐ 20	Phay, bào mặt phẳng	4	105	27	75	3
MĐ 21	Phay, bào rãnh, cắt đứt, phay rãnh chữ T	2	45	11	33	1
MĐ 22	Phay, bào rãnh, xọc rãnh suốt	2	60	14	44	2
MĐ 23	Phay chi tiết đa giác, Phay bánh răng trụ răng thẳng	2	60	15	43	2
MĐ 24	Phay CNC cơ bản	3	75	33	39	3
MĐ 25	Mài mặt phẳng, mài trụ ngoài	2	60	20	38	2
MĐ 26	Hàn điện cơ bản	2	60	14	44	2
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	5	300	0	300	0
II.2.2	Các môn học, mô đun cơ sở/ chuyên môn nghề tự chọn	5	120	26	90	4
II.2.2.1	Các môn học/ mô đun cơ sở tự chọn 1	3	75	12	61	2
MĐ 27	Tiện chi tiết có gá lắp phức tạp					
MĐ 28	Phay bánh răng trụ răng nghiêng – Rãnh xoắn					

II.2.2.2	Các môn học mô đun chuyên môn nghề tự chọn 2	2	45	14	29	2
MĐ 29	Hàn khí					
MĐ 30	Phay thanh răng					
II.2.3	Khoá luận/ mô đun thay thế	4	90	49	37	4
II.2.3.1	Khoá luận tốt nghiệp					
II.2.3.2	Môn học/ mô đun thay thế khoá luận tốt nghiệp	4	90	49	37	4
MH 32	Mastercam	2	30	25	4	1
MĐ 33	CAD/CAM/CNC	2	60	24	33	3
Tổng cộng		68	1860	519	1283	58

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Ngoài thời gian học tập theo chương trình, kế hoạch đào tạo, người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa sau:

- Tham gia chương trình giáo dục chính trị đầu khóa, thời gian 1 tuần đầu khóa học.

- Tham gia học các chuyên đề kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và Chăm sóc sức khỏe sinh sản tình dục vào sinh hoạt đầu khóa.

- Tham gia ngày hội tư vấn giới thiệu việc làm, thời gian 1 ngày, tổ chức vào học kỳ cuối khóa học.

- Tham gia đối thoại với Hiệu trưởng, 1 lần/ năm học.

- Tham gia học chuyên đề Khởi nghiệp vào cuối khóa.

- Tham gia các hoạt động ngoại khóa khác do Trường tổ chức như:

- + Các hoạt động tình nguyện, về nguồn, ...trong thời gian nghỉ hè, lễ, tết, thứ bảy, chủ nhật.

- + Các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao: Theo kế hoạch của Trường

- + Vệ sinh trường lớp...Thời gian: 2 giờ/ tuần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thực hiện theo quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của trường được cụ thể hoá theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Quy định tổ chức thực hiện

chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hoặc theo phương thức tích lũy mô đun, hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.

+ Thời gian thi kết thúc môn học, mô đun được quy định cụ thể theo từng chương trình đào tạo các môn học, mô đun

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Người học phải đạt được các kiến thức kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, làm việc độc lập và khởi sự doanh nghiệp trong khoá học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác :

- Chương trình xây dựng đào tạo theo tín chỉ
- Nội dung chương trình đào tạo gồm có các môn học bắt buộc và các môn học/ mô đun tự chọn.

Chương trình có 3 nhóm môn học/ mô đun tự chọn được thực hiện từ học kỳ 2 đến học kỳ 4 của khoá đào tạo. Gồm:

- Các môn học, mô đun cơ sở tự chọn: học sinh chỉ chọn một trong hai môn học tự chọn.

- Các môn học, mô đun chuyên môn nghề tự chọn: học sinh chỉ chọn một trong hai mô đun.

- Khóa luận tốt nghiệp/ Các mô đun thay thế: nếu học sinh không chọn làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 mô đun thay thế.

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN II- KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một yêu cầu bức xúc đặt ra là phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, cần thiết phải quy hoạch mạng lưới dạy nghề để tăng nhanh số lượng, chất lượng lao động qua đào tạo nghề, triển khai nguồn nhân lực xã hội và đào tạo nghề để tạo ra đội ngũ lao động có chuyên môn kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới hiện nay. Để người lao động có việc làm ổn định, nhất thiết phải tiến hành đào tạo những ngành nghề phù hợp cho người lao động ở nông thôn. Qua đào tạo nghề, người lao động có cơ hội tiếp thu khoa học kỹ thuật mới và nắm bắt điều kiện thuận lợi để hội nhập với nền kinh tế phát triển theo xu thế của nền công nghệ hiện đại. Vì vậy, kết quả của công tác đào tạo nghề ở Tỉnh Tiền Giang nói chung và khu vực Gò Công nói riêng là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa của đất nước.

Nhìn chung, nhu cầu học nghề của học sinh và người lao động ngày càng tăng, một số trường và trung tâm dạy nghề trên địa bàn Tỉnh hoạt động ổn định và phát triển; chất lượng đào tạo nghề đã từng bước được củng cố, thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Tuy nhiên, số lượng lao động được đào tạo trên còn quá ít so với nhu cầu cung ứng của thị trường lao động trong Tỉnh và các Tỉnh lân cận. Để đáp ứng nhu cầu lao động cho thị trường, ngoài việc liên kết đào tạo với các đơn vị khác, việc tăng quy mô cũng như chất lượng đào tạo và mở rộng ngành nghề đào tạo là hết sức cấp thiết. Nhà trường đã luôn đặt vấn đề chất lượng đào tạo lên hàng đầu, vì vậy công tác kiểm định và tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một yêu cầu hết sức cần thiết, thực hiện tốt và nghiêm túc công tác này sẽ giúp cho Trường đánh giá được năng lực đào tạo, những điểm mạnh, điểm yếu; từ đó đề ra được những biện pháp cải tiến và phát triển, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế của Nhà trường trong hệ thống các trường dạy nghề và trong xã hội.

Thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của TCDN năm 2019, Trường Trung cấp Gò Công đã xây dựng kế hoạch tự kiểm định của đơn vị. Trong đó có kế hoạch đánh giá chương trình đào tạo nghề trọng

điểm Cắt gọt kim loại thuộc lĩnh vực Cơ khí chế tạo thuộc Khoa Cơ khí – xây dựng. Đây là dịp Nhà trường tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của Bộ LĐTBXH ban hành. Từ kết quả tự đánh giá và đánh giá bên ngoài, BGH nhà trường, cán bộ các phòng, khoa trong toàn Trường sẽ nhận thức đầy đủ và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề.

2. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Căn cứ tự đánh giá-

Trường Trung cấp Gò Công tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo công văn số 454/TCGDNN – KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019. Đây là cơ hội để Trường tự đánh giá một cách toàn diện, phân tích những điểm mạnh, những tồn tại cần khắc phục trong công tác tổ chức điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện công tác chuyên môn trong hoạt động đào tạo nghề Điện công nghiệp, cũng như các công tác hỗ trợ phục vụ khác trong 2 năm gần đây (2019 – 2020). Từ đó, đề ra kế hoạch nhằm phát huy những mặt mạnh, tích cực. Đồng thời, khắc phục kịp thời những hạn chế để thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ chính trị do Nhà nước giao trong thời gian tới.

Căn cứ tự kiểm định-

- Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ thông tư số 28/2017/TT – BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao Động-Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ công văn số 454/TCGDNN – KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;
- Các nội dung tập huấn về tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo cho cán bộ, giáo viên của Nhà trường.

2.2. Mục đích tự đánh giá-

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. Nhà trường sẽ tổ chức tự đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của HS, của giáo viên so với bộ tiêu chí. Xác định mức độ đạt được của chương

trình thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của chương trình đào tạo. Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung và dài hạn. Qua đó, giúp Khoa Cơ khí – xây dựng và Nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường đạt chuẩn quốc gia, trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín trong nước, được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá-

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định;
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường;
- Đảm bảo đúng thời gian theo kế hoạch;
- Đánh giá toàn diện các hoạt động, mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo của nghề Điện công nghiệp;
- Thực hiện các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

2.4. Phương pháp tự đánh giá-

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành, và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo;
- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Trường và những chứng cứ để chứng minh;
- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá-

Quy trình tự kiểm định của Trường gồm các bước sau-

1. Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
2. Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
3. Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường và các đơn vị trực thuộc.
4. Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trực thuộc.
5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp cấp Trường của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp Nhà trường- Thu thập thông tin và minh chứng; xử lý phân tích các thông tin và minh chứng.
6. Đánh giá mức độ mà các đơn vị trực thuộc đã đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

7. Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

8. Công bố công khai kết quả tự kiểm định trong nội bộ Trường.

Trường đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự kiểm định; thành lập Hội đồng kiểm định, Ban thư ký giúp việc cho hội đồng.

Các khoa, phòng trong Trường lập kế hoạch và phân công CB, GV trong các khoa, phòng chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan đến các tiêu chuẩn KĐCL. Trưởng các phòng, khoa cũng như cán bộ tham gia thu thập minh chứng theo hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí trên cơ sở các minh chứng đã có của năm trước và bổ sung các minh chứng còn thiếu để củng cố và nâng chất lượng đào tạo. Các nhóm chuyên trách tập hợp các nhóm minh chứng theo tiêu chuẩn để phân tích đánh giá và lập báo cáo theo phiếu mô tả các tiêu chuẩn được phân công. Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo Báo cáo tự kiểm định. Ban thư ký họp thông qua dự thảo Báo cáo tự kiểm định. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng kiểm định xem xét. Ban thư ký tiếp tục chỉnh sửa dự thảo Báo cáo tự kiểm định trình Hội đồng kiểm định tiếp tục xem xét. Hội đồng kiểm định sẽ trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi cho lãnh đạo các đơn vị, tổ chức trong toàn Trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của hiệu trưởng để hoàn chỉnh Báo cáo tự kiểm định lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp Báo cáo cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Tiền Giang.

3. TỰ ĐÁNH GIÁ

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Mẫu 3.1- TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt chuẩn chất lượng</i>
	Tổng điểm	100	88
1	TIÊU CHÍ 1 – MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH	6	4
	Tiêu chuẩn 1- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 2- Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	0
	TIÊU CHÍ 2 – HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	14	12
	Tiêu chuẩn 1- Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2- Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 4- Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5- Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	đúng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 6- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 7- Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
	TIÊU CHÍ 3 – NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN	16	14
2	Tiêu chuẩn 1- 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2- Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4- Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0
	Tiêu chuẩn 5- Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 6- 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7- 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 8- Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	TIÊU CHÍ 4 – CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH	24	24
	Tiêu chuẩn 1- Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 2- Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4- Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5- Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6- Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7- Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8- Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	Tiêu chuẩn 9- Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
3	Tiêu chuẩn 10- 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 11- Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	Tiêu chuẩn 12- Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	TIÊU CHÍ 5 – CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN	16	14
	Tiêu chuẩn 1- Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2- Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4- Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5- Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6- Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7- Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	0	0
	Tiêu chuẩn 8- Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	TIÊU CHÍ 6 – DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC	8	6
	Tiêu chuẩn 1- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2- Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
4	Tiêu chuẩn 4- Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	0
	TIÊU CHÍ 7 – GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	16	14
	Tiêu chuẩn 1- Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2- Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3- Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm,	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		
	Tiêu chuẩn 4- Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	0
	Tiêu chuẩn 5- Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6- Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7- Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 8- Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu

Thị xã Gò Công là vùng kinh tế trọng điểm phía đông của tỉnh có khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Điều không thể thiếu trong kế hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trong thời gian tới của khu vực Gò Công là việc cung ứng nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Đây cũng là lý do UBND tỉnh Tiền Giang thấy cần thiết có một trường đào tạo nghề trình độ trung cấp để đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cung cấp cho các khu, cụm công nghiệp phía Đông cũng như của tỉnh.

Ngày 22/2/2019, UBND tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 537/QĐ-UBND về thành lập Trường Trung cấp Gò Công.

Mục tiêu là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở các trình độ khác nhau, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Học sinh, học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng thực hành cơ bản của một nghề, có khả năng làm việc độc lập và có tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào công việc, có các phẩm chất cần thiết của người lao động hiện đại trong xu thế cạnh tranh của nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập quốc tế, có khả năng tự học và tiếp tục học lên ở bậc cao đẳng, đại học.

Sứ mạng là đào tạo những học sinh, học viên có phẩm chất đạo đức chính trị, có trình độ chuyên môn kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với sự phát triển của kinh tế hiện nay trong khu vực Gò Công nói riêng và cả nước nói chung.

Trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả.

Bên cạnh Đảng bộ Trường trung cấp Gò Công đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhà trường và chỉ đạo các đoàn thể chính trị trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, có phân công và tập trung chỉ đạo theo Nghị quyết và kế hoạch hàng tháng, góp phần tích cực trong việc hoàn thành nhiệm vụ dạy và học trong nhà trường.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên được Đảng bộ và Ban Giám hiệu đặc biệt quan tâm trên cơ sở định hướng phát triển của trường.

Các Phòng chức năng, các Khoa chuyên môn, trung tâm trực thuộc Trường đều có chức năng hoạt động rõ ràng.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc trên mọi mặt hoạt động góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ.

** Những điểm mạnh:*

Để có được kết quả như hôm nay là nhờ sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và sự tâm huyết của đội ngũ tập thể cán bộ, nhân viên và thầy cô giáo của nhà trường. Hàng năm nhà trường đều xác định mục tiêu cụ thể trong báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động, đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm, các chỉ tiêu phải phấn đấu và những giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

Mục tiêu và sứ mạng của trường các năm qua đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các bài viết giới thiệu về trường trên báo, trên trang web của trường; thông báo tuyển sinh trên đài truyền thanh các huyện, tại các Hội chợ việc làm do Trung tâm dịch vụ việc làm Tiền Giang tổ chức, trên đài truyền thanh truyền hình các huyện để nhiều phụ huynh và người học được biết.

Các nội quy, quy chế của nhà trường được xây dựng đầy đủ và triển khai đến toàn thể các cán bộ, giáo viên và nhân viên trong Trường. Hàng năm, được rà soát sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Giám hiệu và các lãnh đạo phòng, khoa trong toàn trường luôn quan tâm đến nhu cầu của viên chức và học sinh, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để viên chức và học sinh phát huy quyền làm chủ, đoàn kết, năng động, sáng tạo.

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa trong trường được quy định rõ ràng và có quy chế phối hợp chặt chẽ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chung của toàn trường.

Hàng năm, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giáo viên và khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên trường hoạt động theo điều lệ và cùng đoàn kết, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển trường.

** Những tồn tại:*

Đội ngũ cán bộ quản lý đa số còn trẻ và ít kinh nghiệm, cần tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ quản lý.

Công tác rà soát, sửa đổi hệ thống văn bản chủ yếu dựa vào tình hình thực tế, chưa có kế hoạch cụ thể. Sắp tới, nhà trường cần xây dựng kế hoạch rà soát, sửa đổi theo từng giai đoạn.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Công tác kiểm tra, thanh tra cần được phát huy hơn nữa và có biện pháp xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Cần có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, ban thanh tra nhân dân để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	4
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0

Tiêu chuẩn 1- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

- Hàng năm, nhà trường thường xuyên điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động, trong đó mục tiêu chương trình đào tạo có đầy đủ các nội dung kiến thức, kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hoặc nhu cầu của các đơn vị sử dụng có liên kết với nhà trường **(1.1.01-Phiếu thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về chương**

trình đào tạo nghề, 1.1.02-Các quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2- Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

- Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo của từng nghề theo từng khoá học và giao trách nhiệm cho các khoa có liên quan phụ trách và cùng phối hợp với Phòng Đào tạo thực hiện kế hoạch đào tạo nghề theo đúng quy định (**1.2.01-Kế hoạch đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2022, 2023 nhà trường xây dựng mức học phí cho từng ngành nghề cho một học sinh, nhưng chỉ mang tính tương đối nên chưa được duyệt chưa phù hợp với tình hình thực tế đơn vị. Nguồn kinh phí ngân sách cấp bù để thực hiện chi hoạt động các ngành nghề đảm bảo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 0 điểm

3.2.2.TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2022, 2023 với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học. Trong đó hoạt động dạy quyết định đến chất lượng đào tạo của nhà trường. Vì vậy, trong quá trình tuyển sinh Nhà trường luôn thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH đã ban hành. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tuyển sinh cụ thể, trao đổi phương thức tổ chức thực hiện phối hợp linh hoạt với các trường THCS trên địa bàn khu vực Gò Công. Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học, tập thể viên chức và lãnh đạo nhà trường đã thực hiện mục tiêu đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Để đảm bảo chất lượng đào tạo nghề, BGH nhà trường đã tập trung lãnh đạo, tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng giảng dạy của các khoa chuyên môn. Với sự chỉ đạo sát sao của BGH, sự nỗ lực đội ngũ CBGV-NV trong toàn Trường đã nâng cao chất lượng đào tạo, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động dạy và học.

* Những điểm mạnh-

Công tác tuyển sinh của Trường được thực hiện theo kế hoạch, được cụ thể hoá bằng các thông báo tuyển sinh đảm bảo chất lượng đầu vào. Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTBXH quy định.

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo như trình độ trung cấp, sơ cấp và dưới 3 tháng, đào tạo lưu động theo địa chỉ để đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học, chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của xã hội. Các hoạt động dạy và học dựa trên mục tiêu nội dung, chương trình dạy nghề đã được phê duyệt, Trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo đúng tiến độ và có hiệu quả. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, Nhà trường luôn đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học. Đặc biệt, trong những năm qua trang thiết bị thực hành, thực tập không ngừng được chú trọng đầu tư, nâng cấp, đây cũng là yếu tố hết sức thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

* Những, tồn tại-

Về sáng kiến kinh nghiệm, các công trình nghiên cứu khoa học trong giảng dạy còn hạn chế, chưa khai thác hết năng lực thiết bị hiện có của Trường.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng-

Nhà trường đang xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ nghề theo quy định.

Nhà trường cũng đã liên hệ với trường Cao đẳng Tiền Giang để liên kết đào tạo liên thông giữa các trình độ theo quy định. Ngoài ra Nhà trường sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn với việc giải quyết việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào dạy học. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các trường bạn để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
-----------------------------	-------------------------

Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hàng năm, Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định hiện hành. Ban hành quy chế tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, các ban phục vụ và thực hiện quy trình tuyển sinh theo quy định (**2.1.01- Quyết định số 215/QĐ-TCGC ngày 23/8/2021 về việc ban hành Quy định Quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp; 2.1.02-Kế hoạch tuyển sinh trình độ trung cấp năm 2022; 2.1.03- Thông báo số tuyển sinh năm 2022, 2023; 2.1.04- Quyết định số 02/QĐ-TCGC ngày 03/01/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023; 2.1.05- Hồ sơ đăng ký học năm 2023; 2.1.06- Biên bản họp xét tuyển và danh sách xét tuyển năm 2023; 2.1.07 Quyết định số 141, Quyết định số 190 về việc công nhận học sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2023; 2.1.08- Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2023; 2.1.09- Danh sách học sinh nhập học và Quyết định thành lập lớp Cắt gọt kim loại; 2.1.10- Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh 2023**). Kết thúc tuyển sinh, Trường thực hiện công tác báo kết quả thực hiện theo quy định.

Nhà trường thực hiện tốt tiêu chí này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2- Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, hàng năm nhà trường đều xây dựng tiến độ đào tạo theo từng năm học cho các khóa/lớp đang đào tạo, phân công giáo viên giảng dạy đảm bảo chuyên môn, khối lượng theo qui định (**2.2.01-Kế hoạch đào tạo các nghề Cắt gọt kim loại; 2.2.02-Kế hoạch giáo viên năm học 2021 – 2023 và niên khóa 2022 - 2024**). Trong quá trình giảng dạy, nhà trường có ban hành các mẫu hồ sơ sổ sách

cho giáo viên làm căn cứ thực hiện trong quá trình lên lớp như- sổ lên lớp - để ghi nhận tình hình giảng dạy của giáo viên, điểm danh học sinh vắng, trễ và kết quả học tập của học sinh (**2.2.04-Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023**), giáo án - thể hiện nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức lớp học của giáo viên (**2.2.05-Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023**), sổ tay giáo viên – ghi nhận tình hình vắng trễ của học sinh, kết quả học tập của từng môn học... (**2.2.06-Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023**). Thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo, nhà trường cử cán bộ phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành giờ lên lớp (**2.2.07-Sổ theo dõi của phòng đào tạo**), Phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất qua các biện pháp như- kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ giáo viên. Nhìn chung các môn học đều thực hiện đúng với kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Trường tổ chức thực hiện tốt theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Điểm tự đánh giá tiên chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, hàng năm nhà trường đều xây dựng tiến độ đào tạo theo từng năm học cho các khóa/lớp đang đào tạo, phân công giáo viên giảng dạy đảm bảo chuyên môn, khối lượng theo qui định. Trong quá trình giảng dạy, nhà trường có ban hành các mẫu hồ sơ giáo vụ cho giáo viên làm căn cứ thực hiện trong quá trình lên lớp như: sổ lên lớp, sổ tay giáo viên - để ghi nhận tình hình học sinh vắng, trễ và kết quả học tập của học sinh (**2.2.04: Sổ lên lớp năm học 2022-2023, giáo án năm học 2022-2023, Các giáo án điện tử của giáo viên, sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, sổ theo dõi tình hình giảng dạy**). Thể hiện nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức lớp học của giáo viên, sổ tay giáo viên để ghi nhận tình hình vắng trễ của học sinh, kết quả học tập và kế hoạch giảng dạy, thi hết môn của từng môn học... (**2.3.03: Phần mềm quản lý eduman, Phần mềm trộn đề thi McMix**).

Thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo (**2.3.04: Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất; Phiếu dự giờ**), nhà trường cử cán bộ phòng Quản lý học sinh chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành giờ giảng lên lớp.

Phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất qua các biện pháp như: kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ giáo viên. Nhìn chung các môn học đều thực hiện đúng với kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Việc đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học là nội dung trọng tâm của nhà trường được thể hiện trong báo cáo và phương hướng. Nhà trường đã và đang thực hiện phương pháp giảng dạy theo phương án dạy tích hợp. Hàng năm trường còn cử giáo viên đi học, tập huấn về phương pháp dạy học mới từ các lớp dự án của Tổng cục dạy nghề, thường xuyên mở các lớp tập huấn về nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Hiện nay, trong Trường đang áp dụng các phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, viết tiểu luận, bài tập lớn **(2.3.01: Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học)** . Các phương pháp dạy học đó đã giúp học sinh chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo

Để đảm bảo người học thành thạo kỹ năng về nghề thời lượng thực hành, thực tập của người học đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn theo quy định. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá người học, phát triển năng lực tự học và tinh thần hợp tác của người học được lãnh đạo Nhà trường xem là một trong những hoạt động có tính quyết định đến yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra trong năm 2019 nhà trường tuyển sinh và mở lớp học vào các buổi tối và ngày chủ nhật trình độ trung cấp nghề May thời trang với tổng số 25 học sinh. Nhằm tạo điều kiện cho người học vừa làm vừa học được, đây là một trong những hình thức đa dạng hóa phương thức đào tạo **(2.2.02-Kế hoạch giáo viên 2022, 2023; 1.2.01-Kế hoạch đào tạo lớp cắt gọt kim loại)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc chương trình đào tạo khóa học, Trường tổ chức kế hoạch cho học sinh cuối khóa tham gia thực tập tại các đơn vị, công ty, doanh nghiệp trước khi thi tốt nghiệp theo quy định; kết thúc thời gian thực tập, học sinh viết báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, công việc. Nhận xét của các đơn vị sử dụng lao động ... **(2.4.01- Công văn gửi học sinh thực tập; 2.4.02- Kế hoạch thực tập tốt nghiệp; 2.4.03- Danh sách Giáo viên hướng dẫn và học sinh thực tập tại**

các đơn vị sử dụng lao động; 2.4.04- Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.4.05- Bảng điểm thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.4.06- Danh sách người học tốt nghiệp; 2.4.07- Báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp của giáo viên và học sinh). Từ đó, nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, đáp ứng theo nhu cầu của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ TT 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Nhà trường đã ban hành quy định về việc tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp (**2.5.01 Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp**).

Căn cứ vào tiến độ đào tạo và kế hoạch đào tạo của năm học. Trước mỗi kỳ thi tốt nghiệp phòng Đào tạo rà soát điểm tổng kết học kỳ từng môn học, mô-đun của học sinh, lập kế hoạch tổ chức học lại đối với học sinh còn nợ môn, tạo điều kiện cho học sinh có thời gian bổ sung kết quả học tập trước khi nhà trường tổ chức xét học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp (**2.5.02-Danh sách học sinh xét điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2022, 2023; 2.5.03-Biên bản xét điều kiện dự thi tốt nghiệp 2022, 2023**). Thông qua biên bản của hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp nhà trường công bố danh sách học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp trong năm học đó (**2.5.04-Danh sách học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp**). Việc tổ chức thi tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi (**2.5.05-Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2022,2023**), công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi, tổng hợp và thông báo kết quả (**2.5.06-Các quyết định thành lập HĐ thi tốt nghiệp năm 2022, 2023; 2.5.07-Quyết định thành lập Ban coi thi, ban chấm thi, ban Thư ký thi tốt nghiệp năm 2022, 2023**). Các bài thi viết do 2 giáo viên chấm độc lập, các bài thi thực hành sẽ do hai giáo viên chấm độc lập, trực tiếp lên sản phẩm của học sinh (**2.5.08-Danh sách dự thi tốt nghiệp năm 2022, 2023**). Hội đồng thi tiến hành xét công nhận tốt nghiệp cho các em học sinh đạt kết quả theo quy định (**2.5.09-Biên bản xét công nhận tốt nghiệp cho học sinh năm 2022, 2023; 2.5.10- Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023; 2.5.11-Báo**

cáo kết quả công tác tổ chức thi tốt nghiệp năm 2022, 2023; ; 2.5.12 – Báo cáo tổng kết năm học)

Căn cứ thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, Nhà trường xây dựng qui trình quản lý chứng chỉ, phôi bằng tốt nghiệp (**2.5.13-Quy trình quản lý chứng chỉ, phôi bằng tốt nghiệp**). Căn cứ vào quy trình nhà trường thực hiện tốt công tác cấp phát phôi bằng trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ dạy nghề thường xuyên (**2.5.14 - Sổ quản lý phôi bằng chứng chỉ trung cấp, sơ cấp**)

Đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2- 2 điểm

Tiêu chuẩn 6- *Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ gồm các nội dung như kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo, kiểm tra các bộ phận, kiểm tra chuyên đề (**2.3.07- Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường năm học 2022, 2023**), bộ phận quản lý đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi việc chấp hành giờ giấc lên lớp của giáo viên (**2.6.01-Sổ theo dõi giảng dạy**), Phòng đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất qua các biện pháp như- kiểm tra giáo án, kiểm tra sổ lên lớp, dự giờ giáo viên (**2.6.02-Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất; 2.6.03-Phiếu dự giờ**). Khi kết thúc kỳ kiểm tra nội bộ, Thư ký tổ kiểm tra lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra nội bộ năm học (**2.6.04-Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ năm 2022, 2023**). Nhìn chung các môn học, mô đun đều thực hiện đúng với kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Kiểm tra nội bộ với mục đích xem xét và đánh giá các hoạt động giáo dục, điều kiện dạy học trong phạm vi nội bộ nhà trường phải thực hiện đúng kế hoạch đào tạo quy định từng học kỳ.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. Tiêu chí này đáp ứng yêu cầu của nội hàm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2- 2 điểm

Tiêu chuẩn 7- *Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường chưa xây dựng văn bản quy định tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ nghề theo quy định của thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH. Nhu cầu người học sau khi tốt nghiệp là tìm kiếm việc làm, thu nhập nên ít quan tâm đến việc học liên thông lên trình độ cao hơn để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề. Số lượng thí sinh đăng ký nguyện vọng học liên thông tại trường rất ít, nên nhà trường tạm thời chưa xây dựng quy định đào tạo liên thông.

Nhà trường chưa có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiên chuẩn 7, tiêu chí 2- 0 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

*** Mở đầu:**

Nhà trường rất chú trọng đến việc xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên. Xây dựng các phòng chức năng, các khoa/bộ môn thật sự mạnh là yếu tố quyết định cho sự thành công trong mọi hoạt động của đơn vị.

Xây dựng đội ngũ giáo viên và Cán bộ quản lý mạnh cả chuyên môn lẫn phẩm chất, về khả năng quản lý và rèn luyện nhân cách học sinh, gắn bó tâm huyết với nghề và với nhà trường, trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng quản lý rèn luyện phẩm chất đạo đức học sinh.

Nhà trường tập trung xây dựng môi trường sư phạm hợp lý cho tất cả CCVCNLD đều có điều kiện rèn luyện, cống hiến và phát huy tài năng. Đó là nền tảng cơ bản, vững chắc nhất cho việc phát triển đơn vị trong thời gian qua và hướng đến tương lai.

Nhà trường luôn khuyến khích giáo viên nâng cao tay nghề, tham gia các hoạt động thực tế tại nhà máy và xí nghiệp.

*** Điểm mạnh:**

Hàng năm nhà trường đều tiến hành tuyển dụng bổ sung thêm đội ngũ giáo viên biên chế, công tác tuyển dụng giáo viên đủ về số lượng và phù hợp với chuyên ngành và trình độ đáp ứng tốt công tác giảng dạy.

Đa số giáo viên của trường đảm bảo về năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và đảm bảo giáo viên dạy được cả tích hợp, lý thuyết và thực hành.

Hàng năm, nhà trường luôn quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên bằng việc đăng ký và cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng. Đội ngũ Giáo viên tham gia tích cực vào các hoạt động thi đua dạy tốt như hội giảng thi đua hàng năm, có sáng kiến cải tiến trong dạy học.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường trẻ, năng động chịu khó học hỏi, thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bồi dưỡng chuyên môn và lý luận chính trị. Đây là yếu tố quan trọng góp phần trong sự phát triển của nhà trường. Bên cạnh đó hàng năm nhà trường luôn tạo điều kiện về thời gian cho

đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng nghề, nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, tiếp cận khoa học công nghệ nhằm phục vụ công tác ngày càng tốt hơn.

Những giáo viên trẻ tích cực tham gia phong trào đoàn, các công trình của Thị đoàn phát động, tích cực thể hiện phong trào thanh niên xung phong.

***Điểm hạn chế:**

Trường chưa có chính sách để khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; chủ yếu dựa vào các chế độ chính sách hỗ trợ theo Quyết định của UBND tỉnh và kinh phí của Sở LĐT BXH. Do nguồn phúc lợi của nhà trường còn hạn chế, thiếu kinh phí hoạt động.

*** Kế hoạch:**

Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học ứng dụng những thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh.

Tổ chức thi đua áp dụng thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học, mô hình dạy học,

Trường chủ động thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý và có kế hoạch cho mỗi giáo viên tự đăng ký học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ chức cho giáo viên tham quan học tập một số trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp và có kế hoạch cử giáo viên đi thực tế tại các công ty, xí nghiệp liên kết với trường trong việc giảng dạy và quản lý học sinh trong thời gian thực tập sản xuất.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	12
Tiêu chuẩn 1	0
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến tháng 11 năm 2021 số lượng giáo viên cơ hữu của trường là 75. Đa số giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định thể hiện ở văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ giáo viên. (**3.1.01-Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên**). Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên thể hiện đầy đủ trình độ đào tạo, chuyên môn, nơi đào tạo, thâm niên giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm và các chứng chỉ được đào tạo. Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát và báo cáo về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên. Qua đó nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Qua hồ sơ giáo viên và danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên cho thấy còn một vài giáo viên chưa đạt chuẩn về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học theo quy định tại thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 (**3.1.02-Báo cáo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ**).

Nhằm đáp ứng sự phát triển chung của trường, trong xây dựng đội ngũ, nhà trường đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên cả về số lượng lẫn chất lượng đồng thời thu hút đội ngũ cán bộ, giáo viên kinh nghiệm, giỏi chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, gắn bó, yêu nghề, có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Về trình độ, 100% đội ngũ giáo viên của nhà trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học, trình độ sư phạm và đang được cử đi học tập bồi dưỡng nâng cao (**3.1.03 - Danh sách cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, 2023**).

Năm 2017 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp theo đó nhà trường đã xây dựng kế hoạch để giáo viên đạt trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên giáo dục nghề nghiệp theo quy định (**3.1.05: Đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm 2022, 2023**).

Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên được tham gia các lớp học tập bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, học sau đại học về kinh phí và thời gian học tập. Nhà trường lưu trữ đầy đủ các văn bản về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm (**3.1.06 - Quyết định UBND tỉnh phê duyệt danh sách học sau Đại học năm 2021**).

Do tình hình dịch covid 19 kéo dài nên một số giáo viên chưa đủ chuẩn về kỹ năng nghề quốc gia (**3.1.07: Tất cả giáo viên đều có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia**). Khi dịch covid 19 kết thúc, những giáo viên chưa đủ tiêu chuẩn sẽ hoàn thành chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên chưa đạt ở một số nội dung tiêu chuẩn các giáo viên này hiện đang tham gia học tập để hoàn thiện tiêu chuẩn.

Thực hiện theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp. Đa số các giáo viên trường đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các tiêu chuẩn khác. Tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên chưa đạt ở một số nội dung tiêu chuẩn các giáo viên này hiện đang tham gia học tập để hoàn thiện tiêu chuẩn (**3.1.01 Danh sách trích ngang các chuẩn của giáo viên tham gia giảng dạy**). **Hành chính làm không đạt**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Trong năm 2022, nhà trường đã xây dựng và ban hành QĐ số 359/QĐ-TCGC ngày 07/12/2023 quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Quy chế quy định về đánh giá VC và NLĐ hàng năm. Riêng năm 2021, thực hiện đánh giá theo quy chế của Sở Lao động – Thương binh và xã hội Tỉnh Tiền Giang.. Năm 2022 đang chuẩn bị tiến hành đánh giá vào thời gian từ ngày 01 đến 10/12/2022 (**Minh chứng: 3.2.01-QĐ số 359/QĐ-TCGC ngày 07/12/2023 quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm; 3.2.02 Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động Trường Trung cấp Gò Công năm 2022, 2023**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 2 điểm

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Đảm bảo tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đội ngũ giáo viên cơ hữu chuyên ngành đào tạo, thuộc sự quản lý trực tiếp của các khoa và giáo viên giảng dạy các môn văn hóa, chính trị, pháp luật. Về trình độ: đội ngũ Giáo viên có trình độ thạc sĩ, trình độ đại học,

bên cạnh đó trường còn có lực lượng giáo viên cộng tác thỉnh giảng (**3.3.01: Danh sách trích ngang nhà giáo**).

Hàng năm, nhà trường quy định mức giờ dạy của giáo viên (**3.3.02: Quyết định phân công định mức giáo viên năm học 2022, 2023**; **3.3.03: Quy định của nhà trường về chế độ làm việc của nhà giáo**).

Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì tỉ lệ giữa giáo viên và học sinh là 30 học sinh/1 giáo viên.

Như vậy với số lượng học sinh hiện tại của năm học 2019, 2020 là 820 thì tỉ lệ giáo viên theo quy định là 30 người. Tỉ lệ học sinh /giáo viên của trường đạt chuẩn theo qui định hiện hành là không quá 30 học sinh/ một giáo viên (**3.3.04: Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên**).

Nhà trường có kế hoạch đào tạo của ngành nghề đào tạo bậc trung cấp, trong đó thể hiện phân công giáo viên toàn khóa của từng ngành nghề, đảm bảo tỷ lệ giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng trên từng ngành nghề (**1.2.01: Kế hoạch đào tạo nghề Cắt gọt kim loại**).

Hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch phân công giáo viên cho các ngành nghề mới (**3.3.06: Danh sách giáo viên từng ngành năm 2022, 2023**) và thực hiện danh sách học sinh, thời khóa biểu và tổng hợp khối lượng giảng dạy của từng giáo viên, thanh toán các chế độ trội giờ và các chế độ khác theo quy chế chi tiêu nội bộ (**2.1.09. Danh sách học sinh năm học 2022,2023**), (**3.7.08: Hồ sơ tổng hợp thanh toán chế độ giáo viên năm 2022,2023**).

Để đảm bảo được chất lượng giảng dạy, đòi hỏi nhà trường phải có đội ngũ giáo viên đảm bảo về chất lượng và số lượng. Tính đến thời điểm hiện nay, dựa trên danh sách lớp các nghề đã ký 2019-2020 (phòng đào tạo), trường đã tuyển sinh hệ trung cấp, trung cấp nghề (**3.3.09-Bảng tổng hợp số học sinh các khóa**).

Dựa vào bảng phân công nhiệm vụ, bảng qui định chế độ làm việc của nhà giáo 216/QĐ-TTCNKVGC ngày 22/9/2017 (phòng tchcth), kế hoạch đào tạo, kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa của chương trình, bảng thống kê giờ giảng nhà giáo hàng năm (phòng đào tạo), bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ - phòng kế toán. Tính đến thời điểm 10/2019 số lượng biên chế của trường là 57, trong đó số lượng giáo viên giảng dạy là 48, số lượng giáo viên của từng nghề ứng với số lượng giờ giảng các mô đun – môn học được thể hiện qua bảng (3.3.10-Bảng thống kê số lượng giáo viên đáp ứng với các nghề đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi,

thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm trong từng học kỳ, 100% GV tham gia thao giảng cấp khoa để tuyển chọn những tiết giảng xuất sắc, điển hình để tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh và cấp toàn quốc. Thông qua hội giảng, tập thể GV góp ý, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy (**3.4.01- Kế hoạch tổ chức thao giảng cấp khoa, hội giảng cấp trường năm 2022, 2023; 3.4.02- Danh sách giáo viên tham gia thao giảng cấp khoa, hội giảng cấp trường và toàn quốc**). Trong năm 2021, do dịch Covid diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến công tác giảng dạy và hội giảng các cấp. Nhưng nhà trường vẫn phát động phong trào dạy tốt, học tốt nhằm nâng cao tinh thần học hỏi lẫn nhau giữa các giáo viên giảng dạy trong nhà trường.

Ngoài ra nhà trường còn tổ chức thi đua cho CB-NV-GV, hằng năm trường đã phát động thi đua cho giáo viên đăng ký sáng sáng kiến kinh nghiệm áp dụng vào thực tiễn quản lý và giảng dạy, có đánh giá kết quả và đề nghị khen thưởng hằng năm (**3.4.03- Danh sách đăng ký các sáng kiến, cải tiến trong dạy học các năm 2020, 2021; 3.4.04- Danh mục các sáng kiến, cải tiến trong dạy học và các danh hiệu bằng khen đạt được các năm**). Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức hội thi thiết bị dạy nghề tự làm phục vụ công tác giảng dạy cũng như tuyển chọn ra những thiết bị có chuyên môn, đẹp, sáng tạo... để cử tham gia thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh cũng như tham dự cuộc thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp toàn quốc. Do chương trình đào tạo là một ngành đặc thù không tự làm một số thiết bị đào tạo tự làm nhưng giáo viên trong nghề Cắt Gọt Kim Loại vẫn cùng giáo viên ngành khác cùng tham gia tự làm thiết bị dạy nghề tự làm..

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ viên chức đáp ứng mục tiêu và phát triển của trường, BGH đã khuyến khích viên chức học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện về thời gian cho viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cử viên chức bồi dưỡng kiến thức QP-AN, lý luận chính trị, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, chuyên môn giáo án tích hợp, kiến thức khởi nghiệp, các lớp kỹ năng mềm; sau Đại học... (**3.5.01-Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2023; 3.5.02-Danh sách bồi dưỡng năm 2023**).

Hàng năm Nhà trường căn cứ vào công văn đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cán bộ viên chức của Sở lao động thương binh xã hội Tiền Giang (**3.5.03: Công văn**

đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm 2022, 2023 của Sở LĐT&XH Tiền Giang, Tổng cục GDNN) để đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cho cán bộ viên chức tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. Căn cứ vào công văn nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng và đăng ký danh sách cán bộ giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về cấp trên theo đúng thời gian qui định. **(3.5.04: Kế hoạch bồi dưỡng năm 2022, 2023; 3.5.05: Danh sách đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm 2022, 2023)**. Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ giáo viên được tham gia các lớp học tập bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, học sau đại học về kinh phí và thời gian học tập. Nhà trường lưu trữ đầy đủ các văn bản về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm.

Trong quá trình tổ chức học tập hoặc cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng, nhà trường ghi nhận lại bằng hình ảnh để lưu trữ trong hồ sơ của trường. Sau khi học tập bồi dưỡng CB-GV nhà trường thực hiện báo cáo học tập bồi dưỡng lồng ghép vào báo cáo định kỳ, báo cáo năm và đề xuất đối với hoạt động của nhà trường **(3.5.06: Báo cáo tháng, báo cáo năm)**.

Điểm tự đánh giá tiên chuẩn 5 tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ vào Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/3/2017 quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, nhà trường có kế hoạch và lập danh sách các giáo viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp.

Kế hoạch được lập dựa trên danh sách giáo viên của Trường, thông qua việc rà soát hồ sơ giáo viên, chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, sau đó lên kế hoạch bồi dưỡng hàng năm. **(3.6.01 - Kế hoạch thực tập sản xuất; 3.6.02-Danh sách các giáo viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp)**

Giáo viên hoàn thành thực tập tại doanh nghiệp, phải có giấy chứng nhận hoàn thành thực tập do doanh nghiệp nơi thực tập chứng nhận.

Điểm tự đánh giá tiên chuẩn 6 tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: *100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ LĐTBXH Quy định chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ LĐTBXH Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông.

Hàng năm nhà trường tiến hành tuyển dụng giáo viên và cử đội ngũ giáo viên tham gia các khóa tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng sư phạm do Sở LĐTBXH Tiền Giang, Tổng cục dạy nghề tổ chức,... Tính đến tháng 11 năm 2019 số lượng giáo viên cơ hữu của trường là 77. Đa số giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định thể hiện ở văn bằng, chứng chỉ trong hồ sơ giáo viên. **(3.3.01-Hồ sơ giáo viên lưu tại phòng TCHC; 3.3.02-Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên)**. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên thể hiện đầy đủ trình độ đào tạo, chuyên môn, nơi đào tạo, thâm niên giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm và các chứng chỉ được đào tạo. Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát và báo cáo về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên (**3.3.03-Báo cáo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ**). Qua đó nhà trường lập kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học (**3.3.04-Kế hoạch bồi dưỡng năm 2020, 2021**)

Qua hồ sơ giáo viên và danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên cho thấy còn một vài giáo viên chưa đạt chuẩn về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học theo quy định tại thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 (**3.3.02-Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên**).

Tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên chưa đạt ở một số nội dung tiêu chuẩn các giáo viên này hiện đang tham gia học tập để hoàn thiện tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Trong năm 2022, nhà trường đã xây dựng và ban hành QĐ số 359/QĐ-TCGC ngày 07/12/2023 quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Quy chế quy định về đánh giá VC và NLĐ hàng năm. Riêng năm 2021, thực hiện đánh giá theo quy chế của Sở Lao động – Thương binh và xã hội Tỉnh Tiền Giang. Kết quả năm 2021 có 100% cán bộ quản lý và người lao động hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Năm 2022 đang chuẩn

bị tiến hành đánh giá vào thời gian từ ngày 01 đến 10/12/2022 (**3.8.01 QĐ số 359/QĐ-TCGC ngày 07/12/2023 quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm; 3.08.02 Quyết định số về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động Trường Trung cấp Gò Công năm 2022, 2023**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu

Trường Trung cấp Gò Công có đầy đủ các chương trình đào tạo (CTĐT) được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường; phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Định kỳ hàng năm, các CTĐT được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị dạy học và đội ngũ giáo viên của trường.

Từ năm 2020, Các CTĐT được xây dựng có sự tham gia ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và chuyên gia từ các doanh nghiệp sử dụng lao động. CTĐT đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ở tỉnh Tiền Giang nói theo cách riêng và nhu cầu học tập của người học, thị trường lao động nói cách theo chung.

Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh một số chương trình để cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và các ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động; đồng thời triển khai biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ, đầu tư sách, tài liệu tham khảo cho các mô đun, môn học của các ngành, nghề đang đào tạo. Tính đến nay, trường đã có đủ giáo trình tài liệu tham khảo cho tất cả các môn học. Chương trình và giáo trình của nhà trường được xây dựng theo mẫu định dạng chung, có quy trình biên soạn, thẩm định và phê duyệt rõ ràng, cụ thể.

**** Những điểm mạnh:***

Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành. Đội ngũ giáo viên nói chung có kinh nghiệm tham gia xây dựng và điều chỉnh chương trình. Ngoài ra, khi xây dựng chương trình, nhà trường có mời các cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tới để xây dựng, thẩm định và lấy ý kiến đóng góp xây dựng CTĐT ở tất cả các ngành, nghề đang đào tạo tại trường để đảm bảo CTĐT phù hợp với thực tiễn, giúp người học tiếp cận công việc sau khi ra trường một cách nhanh chóng.

Các CTĐT hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường; gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Tất cả các CTĐT của nhà trường đảm bảo có đủ chương trình chi tiết (CTCT) của từng mô đun, môn học cụ thể, trong đó đã xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Có đủ các quyết định phê duyệt, ban hành của Hiệu trưởng trường. Điều kiện về mua sắm giáo trình cho các mô đun, môn học được đầu tư mua sắm đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của học sinh và nghiên cứu trong nhà trường.

** Những tồn tại:*

Việc xây dựng các CTĐT của trường tuy đã có sự tham gia của nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp và tổ chức xã hội nghề nghiệp nhưng sự tham gia này chưa mang tính rộng rãi. Các doanh nghiệp tham gia góp ý phản biện cho giáo trình, tài liệu giảng dạy còn ít so với yêu cầu đặt ra của trường. Một số giáo trình cho các mô đun, môn học còn hạn chế. Giáo trình của trường được biên soạn vẫn còn mang tính chất nội bộ.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Từ đầu năm 2020, Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo tất cả các khoa tham gia nghiên cứu chương trình, tài liệu giảng dạy để tiếp tục biên soạn, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo cho các năm sau theo hệ tín chỉ.

Nhà trường có kế hoạch lấy ý kiến các chuyên gia trong nước; các chuyên gia từ các trường khác, từ các doanh nghiệp; các giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy, các cán bộ quản lý, người học để đóng góp bổ sung vào nội dung các mô đun.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức xây dựng, chỉnh sửa 15 CTĐT trình độ Trung cấp; xây dựng mới 01 CTĐT trình độ Trung cấp ngành Nghiệp vụ nhà hàng Đạt tỷ lệ 100%. Tất cả các ngành, nghề hiện trường đang đào tạo đúng quy trình theo thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo trình độ Sơ cấp và Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp. **(4.1.01-Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.02-Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình; 4.1.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình)**

Các ngành, nghề đào tạo của trường đều thuộc danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ Trung cấp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. **(4.1.02-Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình)**

Tổng số các chương trình của trường đang đào tạo là 16 nghề. Số cán bộ giáo viên của trường tham gia xây dựng chương trình là 60 giáo viên .

Trường đặc biệt quan tâm đến tính thực tiễn đáp ứng yêu cầu xã hội nên khi xây dựng chương trình dạy nghề đều có cán bộ ngoài Trường, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất dịch vụ, là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề tham gia nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật kiến thức, khoa học công nghệ tiên tiến để đáp ứng yêu cầu người học và yêu cầu người sử dụng lao động **(4.1.04-Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình)**. Việc thực hiện lấy ý kiến các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật ngoài trường còn mang tính chất hỗ trợ, việc đóng góp ý kiến được thực hiện trực tiếp **(4.1.05-Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp)** tuy nhiên các doanh nghiệp không có thời gian để nghiên cứu sâu chương trình do đó việc thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp chương trình vẫn còn chưa quan tâm nhiều đến nội dung của chương trình đào tạo vẫn còn mang tính hình thức.

Sau khi hội đồng thẩm định xong CTĐT, nhà trường thực hiện ra quyết định phê duyệt và ban hành CTĐT **(1.1.02- Quyết định ban hành chương trình đào tạo)**.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Hàng năm, nhà trường tổ chức triển khai biên soạn giáo trình ,chương trình . Chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung kiến thức, chuyên môn, kỹ thuật và có thời gian cho người học thực hành, thực tập tại các công ty, doanh nghiệp (**1.1.02: Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo; 4.4.01: Các Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.2.03: Các Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình 4.2.04: Biên bản họp thẩm định các chương trình 4.2.07: Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình**).

- Bên cạnh đó trường cũng phối hợp doanh nghiệp rà soát thẩm định chương trình. Chương trình đào tạo các ngành nghề thể hiện nội dung kiến thức, hướng dẫn các bước thực hành, tài liệu tham khảo phải phù hợp với người học, đảm bảo tính nghiệp vụ, chuẩn kiến thức học sinh cần đạt được sau khi kết thúc khóa học.(**4.2.05: Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình ;4.2.06: Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về chương trình đào tạo**).

- Cùng với sự nỗ lực về hai phía nhà trường và doanh nghiệp quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo luôn được diễn ra. (**4.2.08: Chương trình chi tiết các môn học, mô đun; 4.2.09: Biên bản họp thẩm định các chương trình**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các CTĐT của trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, nội dung CTĐT với cấu trúc linh hoạt đáp ứng nhu cầu đào tạo cũng như nhu cầu sử dụng lao động. Các CTĐT trình độ trung cấp đều được thiết kế thống nhất theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. (**1.1.02-Quyết định ban hành chương trình đào tạo**)

Căn cứ vào thông tư số 03/2017 về việc hướng dẫn xây dựng chương trình theo luật GDNN, bảng phân tích nghề, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, yêu

cầu thực tế của doanh nghiệp, trường đã thành lập các ban chuyên trách thực hiện việc xây dựng, điều chỉnh chương trình **(4.1.02-Các Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình)**

Trên cơ sở đó, các ban chuyên trách tiến hành thực hiện việc xây dựng các nội dung của chương trình. Trước khi thẩm định, chương trình được thông qua ý kiến đóng góp của các chuyên gia cùng ngành nghề trong các doanh nghiệp **(4.3.01-Các bản đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo của các doanh nghiệp)**. Từ đó hội đồng thẩm định họp và ra quyết định phê duyệt và ban hành CTĐT **(4.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo)**

Mặt khác, hàng năm, phòng CTHS căn cứ vào tiến độ đào tạo lập kế hoạch TTSX tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, phối hợp với khoa chuyên môn đưa học sinh đến nơi thực tập. Tại đây, các em sẽ được tiếp xúc và làm quen với môi trường công việc thật sự. Và đó cũng là một công cụ đánh giá tương đối chính xác khả năng đáp ứng yêu cầu công việc thực tiễn của các em. Thông qua kết quả thực tập **(4.3.02-Các bản báo cáo thực tập của học sinh)**, nhà trường đã có những công cụ **(4.3.03-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp)** hiệu quả để đánh giá lại tính thực tiễn của nội dung chương trình, làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh trong năm học tiếp theo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức xây dựng, rà soát điều chỉnh 8 CTĐT trình độ trung cấp, xây dựng mới 2 CTĐT trình độ trung cấp là nghề Tin học ứng dụng và Cơ điện lạnh thủy sản. Đạt tỷ lệ 100%. Tất cả các nghề đang đào tạo tại trường được xây dựng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp. Các ngành, nghề đào tạo của trường đều thuộc danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ Trung cấp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định **(4.1.01-Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo)** và các Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình **(4.1.02-Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình)**

Sau khi các ban chủ nhiệm xây dựng xong chương trình, thông qua cuộc họp thẩm định của Hội đồng thẩm định **(4.1.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình)**, đóng góp ý kiến của các chuyên gia **(4.1.04-Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình)**.

Sau khi hội đồng thẩm định xong CTĐT, nhà trường thực hiện ra quyết định phê duyệt và ban hành CTĐT (**4.1.06-Quyết định ban hành chương trình đào tạo**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường thành lập hội đồng, ban chủ nhiệm xây dựng chương trình để rà soát, kiểm tra chương trình có phù hợp với thực tế và thông tư 03/ TT- BLĐT BXH. (**4.1.01-Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.02-Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình; 4.1.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình**)

Trường đặc biệt quan tâm đến tính thực tiễn đáp ứng yêu cầu xã hội nên khi xây dựng chương trình dạy nghề đều có cán bộ ngoài Trường, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất dịch vụ, là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề tham gia nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật kiến thức, khoa học công nghệ tiên tiến để đáp ứng yêu cầu người học và yêu cầu người sử dụng lao động. Khi xây dựng chương trình đào tạo dựa vào thông tư 03/TT- Bộ LĐT BXH để đánh giá, lấy ý kiến (**4.1.04-Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình**). Việc thực hiện lấy ý kiến các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật ngoài trường còn mang tính chất hỗ trợ, việc đóng góp ý kiến được thực hiện trực tiếp (**4.1.05-Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp**) tuy nhiên các doanh nghiệp không có thời gian để nghiên cứu sâu chương trình do đó việc thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp chương trình vẫn còn chưa quan tâm nhiều đến nội dung của chương trình đào tạo vẫn còn mang tính hình thức.

Sau khi hội đồng thẩm định xong CTĐT, nhà trường căn cứ vào Thông tư số 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp thực hiện ra quyết định phê duyệt và ban hành CTĐT (**4.2.01-Chương trình chi tiết các môn học, mô đun; 1.1.02-Quyết định ban hành chương trình đào tạo; 4.5.01-Quyết định ban hành Quy chế đào tạo**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các CTĐT của trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, nội dung CTĐT với cấu trúc linh hoạt đáp ứng nhu cầu đào tạo cũng như nhu cầu sử dụng lao động. Các CTĐT trình độ trung cấp đều được thiết kế thống nhất theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. **(1.1.02-Quyết định ban hành chương trình đào tạo; 4.1.01-Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.02-Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình; 4.1.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình; 4.2.01-Chương trình chi tiết các môn học, mô đun).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các CTĐT nghề Điện công nghiệp có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, nội dung CTĐT với cấu trúc linh hoạt đáp ứng nhu cầu đào tạo cũng như nhu cầu sử dụng lao động. Các CTĐT trình độ trung cấp đều được thiết kế thống nhất theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. **(4.7.01-Quyết định về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường Trung cấp Gò Công; 4.2.01-Chương trình chi tiết các môn học, mô đun).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện xây dựng các chương trình đào tạo phục vụ cho khu vực, đảm bảo nguồn nhân lực cho địa phương. Trong quá trình thực hiện, công tác rà soát đối với các môn học, mô đun để đảm bảo thuận tiện nhất cho việc liên thông trong 3 cấp trình độ (đào tạo theo hệ thường xuyên, hệ sơ cấp, hệ trung cấp) của

người học tại trường là một trong những qui định bắt buộc. Trong kế hoạch xây dựng chương trình nhà trường đã có qui định cụ thể **(4.7.01-Quyết định ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường Trung cấp Gò Công)**, khi xây dựng chương trình đào tạo cũng như chương trình môn học đều có một số mô đun, môn học là kiến thức cơ sở ngành để học sinh sau khi học xong chương trình đào tạo trình độ trung cấp có thể học tiếp ở bậc cao hơn. Nội dung này được thực hiện tốt theo nội dung các chương trình đã biên soạn **(4.2.01-Chương trình chi tiết các môn học, mô đun)**. Biên bản cuộc họp hội đồng thẩm định chương trình của nhà trường **(4.1.03-Biên bản họp thẩm định các chương trình)** không những đánh giá về nội dung chuyên môn mà còn nhận xét, kiểm tra về tính liên thông các chương trình đào tạo của nhà trường. Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm xây dựng các chương trình đã có sự giải trình đồng thời tổ chức điều chỉnh các chương trình phù hợp hơn.

Nhà trường cũng đã tiến hành ký bản ghi nhớ về đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng Tiền Giang gồm 6 nghề Điện công nghiệp, KTML&ĐHKK, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Quản trị mạng máy tính và May thời trang **(4.8.01-Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Cao đẳng Tiền Giang)**. Nhà trường cũng liên kết với trường Đại học sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc đào tạo liên thông từ Trung cấp lên Đại học **(4.8.02-Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, nhà trường đào tạo 11 nghề trình độ trung cấp đã được phê duyệt và ban hành với số lượng hơn 200 môn học/mô đun. Giáo trình của từng môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại được quy định cụ thể ngay tại chương trình chi tiết môn học, mô đun. **(4.1.04-Quyết định ban hành chương trình đào tạo; 4.2.01- Chương trình chi tiết các môn học, mô đun nghề cắt gọt kim loại)**. Đến thời điểm hiện nay, nhà trường đã tiến hành phản biện và nghiệm thu tất cả giáo trình của chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại theo hệ tín chỉ để đưa vào sử dụng trong năm 2020, 2021 **(4.9.01-Danh sách thống kê giáo trình theo CTĐT, CTCT; 4.9.02- Bản in các giáo trình của chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại)**. Trong năm 2022, nhà trường tiếp tục tiến hành kế hoạch rà soát chương trình đào tạo theo hệ tín chỉ để hoàn thiện các giáo trình theo hệ tín chỉ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề cương chi tiết có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo. Chính vì vậy trường Trung cấp Gò Công đã chú trọng đến việc biên soạn giáo trình, mua tài liệu tham khảo nhằm đáp ứng học mục tiêu của các học phần, môn học. **(4.9.01 Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp); (4.1.04 Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và CTĐT chi tiết kèm theo).**

Thư viện trường đã đảm bảo đủ các chủng loại giáo trình và tài liệu tham khảo... phục vụ các chuyên ngành đào tạo và phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên và học tập của học sinh.**(4.9.02 Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT).** Tuy nhiên, tài liệu nhà trường vẫn chưa phong phú, đa dạng các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp và các tài liệu tham khảo.

Cùng với việc xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành học các giáo viên phải biên soạn các tài liệu tương ứng như đề cương chi tiết. Trong đề cương chi tiết cũng quy định rõ mục tiêu, kỹ năng đạt được của từng học phần.

Những điểm mạnh: Có đủ đề cương chi tiết là điều kiện bắt buộc đối với các giáo viên giảng dạy.

Đối với các giáo đã biên soạn và thẩm định. Nhà trường đã tổ chức thu thập những nhận xét đánh giá của chuyên gia từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, giáo viên, người học về chất lượng giáo trình, sau đó cập nhật để đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện đại về nội dung và phương pháp dạy học cho các loại giáo trình đã được biên soạn. **(4.10.02. Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và CTĐT chi tiết kèm theo; 4.10.05 Giáo trình đào tạo trước và sau khi CTĐT có sự thay đổi).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn xác định giáo trình mô đun, môn học là một công cụ đắc lực phục vụ trong công tác dạy và học cho đội ngũ giáo viên, học sinh tại trường. Do đó, việc biên soạn, cập nhật giáo trình là một tiêu chí không thể thiếu trong mục tiêu về chiến lược đào tạo của nhà trường. Hiện nay, trường có đầy đủ chương trình đào tạo cho các nghề mà trường đang thực hiện đào tạo. Tất cả các

chương trình đào tạo của Trường đều có Quyết định ban hành chương trình đào tạo, trong đó bao gồm có cả chương trình chi tiết cho từng mô đun, môn học (4.11.01- Quyết định số... về việc ban hành chương trình khung và chương trình đào tạo chi tiết các nghề trình độ sơ cấp; 4.11.02- Quyết định số... về việc ban hành chương trình khung và chương trình đào tạo chi tiết các nghề trình độ Trung cấp).

100% các mô đun, môn học đều có giáo trình giảng dạy và các giáo trình đã được thẩm định, nghiệm thu cấp trường. Toàn bộ các giáo trình của các mô đun, môn học trong các chương trình đào tạo đều có bản in để phục vụ công tác giảng dạy và học tập cho giáo viên, học sinh (4.11.03- Bảng thống kê danh sách giáo trình các nghề; 4.11.04 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo).

Ngoài ra, các giáo trình đào tạo của trường được các khoa, tổ bộ môn đưa ra trong các cuộc họp kết thúc mỗi học kỳ để thảo luận, đánh giá về chuyên môn, chất lượng của giáo trình. Qua đó, được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo và nội dung này được thể hiện qua biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định giáo trình mô đun, môn học. Trong đó có đầy đủ nội dung liên quan đến các nhận xét về mức độ cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo, nhằm tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (4.11.05- Các biên bản nghiệm thu giáo trình của các thành viên Hội đồng thẩm định giáo trình; 4.11.06- Quyết định Ban hành giáo trình sơ cấp; 4.11.07- Quyết định Ban hành giáo trình trung cấp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường có giáo trình giảng dạy. Các giáo trình được xây dựng đã thực hiện theo Thông tư 03 2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp. (2.5.01-Quyết định ban hành chương trình đào tạo; 4.7.01-Kế hoạch số 41/KH-TCGC ngày 23/10/2020 về việc điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo trình độ trung cấp; 4.10.02-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; 4.12.01-Biên bản họp thẩm định giáo trình; 4.12.02-Bản in các giáo trình đào tạo)

Quá trình biên soạn, góp ý và thẩm định giáo trình ngoài sự tham gia của các cán bộ, nhà giáo trong các cơ sở GDNN còn có sự tham gia của các đại diện doanh nghiệp (4.2.04-Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình)

Trong các nội dung góp ý, phản biện của Hội đồng đều đánh giá các giáo trình đào tạo trình độ trung cấp của trường phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Hằng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu học sinh đã đi làm chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với thực tế sản xuất. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình đào tạo của nhà trường đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay (4.4.01-Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp; 4.5.01-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

3.2.5.TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu

Mặt bằng tổng thể của Trường TC Gò Công được bố trí tại 2 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất tại cơ sở 1 là 16.774,9m²; cơ sở 2 là 3.561m² cụ thể:

Diện tích đất xây dựng tại cơ sở 1 là: 6.948m²; cơ sở 2 là: 1.656m² được triển khai xây dựng từ năm 2008. Hiện có các khu chức năng: khu Hành chánh; khu phòng học Lý thuyết; nhà xưởng thực hành; thư viện; ký túc xá; căn tin; nhà xe; sân bóng; nhà trực bảo vệ. Cơ sở vật chất được phục vụ cho các hoạt động: điều hành hoạt động của Nhà trường; giảng dạy các môn Văn hóa.

Cơ sở vật chất hiện có của nhà trường phục vụ tốt cho nhu cầu dạy và học: Phòng học kiên cố có đầy đủ ánh sáng, đèn, quạt, bảng từ, trang bị màn hình, máy chiếu hỗ trợ cho hoạt động dạy và học, các phòng học chuyên môn (Phòng tin học, thực hành may...) đủ phục vụ cho các chương trình đào tạo. Nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập trong thời đại công nghệ như hiện nay nhà Trường đã trang bị hệ thống mạng Internet, hệ thống Wifi được phủ sóng khắp toàn trường.

Hàng năm, nhà trường luôn được sở đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp nhu cầu tuyển sinh của nhà trường. Trang thiết bị được đầu tư chuyên sâu và đúng trọng tâm chuyên môn hóa cao trong công tác giảng dạy để đầy đủ cho học sinh thực tập và nghiên cứu. Trong thời gian tới, nhà trường được cấp trên đầu tư thêm cơ sở hạ tầng để phục vụ công tác giảng dạy.

Bằng nguồn vốn Đầu tư từ Ngân sách Nhà Nước, nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư các trang thiết bị có chất lượng cao để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hầu hết các máy móc, thiết bị đều đồng bộ về chủng loại,

đủ về số lượng, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người vận hành. Tất cả các máy, thiết bị đáp ứng đủ và phù hợp với ngành nghề mà nhà trường đang đào tạo. Như máy CNC phục vụ cho khoa cơ khí, các máy điện phục vụ cho khoa điện. Các máy hàn phục vụ cho nghề Hàn.....

** Những điểm mạnh:*

- Vị trí của trường nằm ở vị trí địa lý thuận lợi;
- CSVC được thiết kế, xây dựng đúng quy chuẩn;
- Có đầy đủ các khu vực chức năng phục vụ cho nhu cầu đào tạo;
- Trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, phù hợp với thực tế sản xuất theo hướng công nghệ tiên tiến.

** Những tồn tại:*

Trường đang chú trọng đến tuyển sinh, để gia tăng số lượng học sinh hàng năm.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trường đang triển khai đầu tư trang thiết bị các nghề trọng điểm của cắt gọt kim loại để đáp ứng nhu cầu học sinh trong những năm tới.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa Các công trình bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Nhà trường có đầy đủ các số liệu thống kê về số lượng, diện tích, vị trí của các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành và phòng học chuyên môn **(5.1.01-Có Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo).**

Các khu chức năng như khu hành chính, khu phòng học lý thuyết, khu vực các xưởng thực hành,...đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng. Các tường vệ sinh được bao che bằng tường gạch hoặc tấm ván ép chống nước, trong phòng vệ sinh có đầy đủ đèn chiếu sáng, tất cả đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế và hoàn công các công trình của nhà trường theo các tiêu chuẩn: TCXDVN -356-2005 Tiêu chuẩn thiết kế bê tông và bê tông cốt thép; TCVN 4513: 19881 Cấp nước bên trong; TCVN 4474: 19871- Thoát nước bên trong; TCVN 5687 : 2010, Thông gió, điều hòa không khí; TCVN 2622: 19951, Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Các khu chức năng khi xây dựng đã được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp phép nên các công trình luôn đảm bảo đầy đủ các điều kiện: về chiếu sáng, thông gió tự nhiên, hệ thống chống sét, phòng cháy ... **(5.1.01-Bản vẽ các công trình xây dựng).**

Trang thiết bị phục vụ đào tạo là một trong những yếu tố hàng đầu để khẳng định chất lượng đào tạo của một cơ sở dạy nghề, do vậy việc đầu tư trang bị thiết bị dạy nghề đã được xác định từ khi lập đề án nâng cấp thành Trường TCN khu vực Gò Công. Các trang thiết bị được đầu tư mới bảo đảm tính đồng bộ, đồng thời cũng đảm bảo về mặt hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và dịch vụ trên thị trường. Như trường đã có máy tiện CNC, Phay CNC dùng cho thực hành nghề Cắt gọt kim loại, có khoảng 70 máy may điện tử... Còn một số thiết bị các nghề khác thống kê chi tiết và nguồn gốc nằm trong hồ sơ Kiểm kê tài sản thiết bị **(5.1.02- Hồ sơ yêu cầu kỹ thuật các gói thầu)**

Nhà trường đã trang bị được các thiết bị hiện đại đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện hành. Bảo đảm chất lượng trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu cho các hoạt động thực hành về nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chủng loại, công năng, các yêu cầu thông số kỹ thuật và mỹ thuật **(5.1.03- Quyết định cấp phát tài sản).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) được mua mới, bảo trì hàng năm và chuyên giao từ cơ sở khác về điều được kiểm tra vận hành và bảo trì đạt chất lượng. **(5.2.01-Danh mục thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo; 5.2.02 tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng; 5.2.03 Báo cáo theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm; 5.2.04 Biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo của các cơ quan quản lý.)**

Các mô đun, môn học được cập nhật thay đổi thì các thiết bị đào tạo được cập nhật và mua mới theo danh mục thiết bị đào tạo của mô đun và môn học.

(5.2.05- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT.)

Nhà trường đã tổ chức thu thập những nhận xét đánh giá của chuyên gia từ các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, công ty, giáo viên, người học về chất lượng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện **(5.2.06- Ý kiến của các đối tượng có liên quan)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị là điều kiện quan trọng đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo của trường. Hàng năm, nhà trường có bổ sung, đầu tư mới các trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác dạy và học cho học sinh tại trường.

Việc bổ sung thêm số lượng trang thiết bị đào tạo, dụng cụ thực hành trong những năm qua cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của trường. Tuy nhiên số lượng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ **(5.3.01- Bảng danh mục quản lý máy móc, trang thiết bị đào tạo và danh mục số lượng trang thiết bị được bổ sung hàng năm của trường).**

Bên cạnh đó, nhà trường căn cứ quy mô tuyển sinh, tùy theo số lượng ngành nghề đào tạo hàng năm, nhà trường bố trí số lượng các trang thiết bị ở các xưởng, phòng học chuyên môn phù hợp với thực tế, đảm bảo đáp ứng đủ cho các ca thực hành ở tất cả các ngành nghề **(5.3.02- Bảng danh mục quản lý số lượng máy móc, dụng cụ, trang thiết bị đào tạo ở các xưởng, phòng học chuyên môn).**

Ngoài ra, dự án “Đổi mới và phát triển dạy nghề” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm đã được đầu tư cho nhà trường theo từng giai đoạn. Các trang thiết bị dạy nghề hiện đại đạt chuẩn công nghệ sản xuất, dịch vụ hiện hành. Bảo đảm chất lượng trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng,..., các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh, an toàn lao động,... Tuy nhiên, do điều kiện khách quan nên hiện nay các trang thiết bị đào tạo của trường vẫn chưa đáp ứng được 100% so với danh mục thiết bị theo quy định **(5.3.03– Danh mục máy móc thiết bị đào tạo nghề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm).** Tiếp tục đề xuất cấp có thẩm quyền tiếp tục bổ sung thêm số lượng trang thiết bị đảm bảo phù hợp theo từng ngành nghề đào tạo, đáp ứng yêu cầu của chương trình mục tiêu quốc gia.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo qui

định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, máy móc đào tạo cho các ngành nghề mà học sinh theo học, được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành và giảng dạy tích hợp (**5.4.01: Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo; 5.4.02: Hồ sơ thiết kế, lắp đặt; hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ; 5.4.03: Văn bản của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan chức năng đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ; 5.2.01: Danh mục thiết bị đào tạo (kèm theo hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.**)

Tất cả các máy móc thiết bị của Trường được trang bị, nhà Trường đều có sổ theo dõi, quản lý trên phần mềm quản lý tài sản do Bộ Tài chính ban hành có quy định về quản lý và sử dụng máy móc thiết bị. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, hàng năm có thành lập Ban kiểm kê tài sản kết hợp với kiểm tra máy móc thiết bị, sau kiểm tra có báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu để kịp thời xử lý, đồng thời được bổ sung mua sắm hàng năm để kịp thời đáp ứng yêu cầu giảng dạy dựa vào yêu cầu đề nghị của giáo viên chuyên môn. (**5.4.05: Quy chế mua sắm, sử dụng và quản lý tài sản, ban hành kèm theo quyết định của Hiệu trưởng trường trung cấp Gò Công; 5.4.06: Văn bản/tài liệu đánh giá về việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm; 5.4.07: Ý kiến của các đối tượng có liên quan.**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo qui định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Về nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho công tác đào tạo là nhu cầu thiết yếu, được bổ sung trước và trong mỗi học kỳ nhằm phục vụ kịp thời cho kế hoạch và tiến độ đào tạo nên việc bảo quản, lưu trữ nguyên, nhiên vật liệu để tránh hư hỏng là điều cần thiết. Tất cả vật tư, nguyên, nhiên vật liệu đều được bảo quản ở kho, xưởng chuyên biệt, được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp (**5.5.01- Danh mục các trang thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu được lưu giữ chung tại kho, xưởng của nhà trường**). Hàng năm nhà trường cấp phát vật tư, nguyên, nhiên vật liệu dựa trên kế hoạch, tiến độ đào tạo theo định mức vật tư, nguyên phụ liệu theo đầu mỗi học sinh trên tổng số học sinh của từng ngành nghề. Hiện tại, nhà trường đang thực hiện theo Thông tư 14/2017/TT-

BLĐTBXH về việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật theo thực tế cho từng năm học. **(5.5.02: Định mức kinh tế kỹ thuật).**

Nhà trường có bộ phận quản lý cơ sở vật chất, có lập sổ theo dõi xuất, nhập kho theo quy định. Việc nhập vật tư mới, thu hồi vật tư cũ hay cấp phát vật tư cho các phòng, khoa đều có phiếu nhập kho, phiếu xuất kho theo quy định **(5.5.03- Sổ theo dõi/ phiếu xuất, nhập kho).**

Các trang thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu này sau khi được cấp phát đến các xưởng thực hành, phòng/khoa, bộ môn đều có phân công viên chức quản lý và bảo quản nên được bố trí hợp lý, gọn gàng, ngăn nắp theo từng chủng loại, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho học sinh **(5.5.04- Quyết định về việc phân công viên chức quản lý xưởng hàng năm; 5.5.05- Danh mục các trang thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu bảo quản ở các xưởng thực hành sau khi cấp phát về các phòng/ khoa).**

Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo chặt chẽ, đúng quy định, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả, nhà trường đã ban hành quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo **(5.5.06: Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo).** Hàng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch phân công giảng dạy của giáo viên theo từng học kỳ, năm học và căn cứ vào đề xuất của từng phòng, khoa về nhu cầu vật tư phục vụ đào tạo liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, điều kiện thực tế của từng ngành nghề sẽ được bộ phận cấp phát vật tư thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch vật tư **(5.5.07- Phiếu đề nghị vật tư, nguyên, nhiên vật liệu của các bộ phận năm hàng năm).** Việc quản lý, cấp phát và sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư được phản ánh qua phiếu giao nhận vật tư **(5.5.08- Phiếu giao nhận vật tư, nguyên vật liệu).** Do điều kiện cơ sở vật chất ở trường còn hạn chế nên việc mua sắm vật tư, nguyên, nhiên liệu vừa đủ đáp ứng nhu cầu theo kế hoạch và tiến độ đào tạo, giảng dạy và học tập của các bộ phận.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có thư viện được lồng ghép vào Phòng Đào tạo, có các loại sách dạy nghề chuyên ngành, sách tài liệu, có lưu trữ các chương trình đào tạo

nghề, giáo trình dạy nghề của nhà trường. Thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường đang xây dựng, điều chỉnh các chương trình đào tạo nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo được ban hành, riêng các giáo trình đã xây dựng và ban hành đối với các nghề tuy nhiên vẫn chưa hoàn chỉnh nên thư viện có lưu trữ các chương trình đào tạo nghề, còn các loại giáo trình dạy nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ (**1.2.03-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 01/GCNĐKHD-SLĐTBOXH ngày 8/5/2019 của Sở lao động thương binh và xã hội Tiền Giang; 2.1.01-Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN; 4.10.01-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đang đầu tư nâng cấp hệ thống máy vi tính để phục vụ cho các hoạt động đào tạo nên chưa sắp xếp được phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học. (**4.13.01-Danh sách các chương trình đào tạo; 4.10.01-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình giảng dạy Nhà Trường luôn yêu cầu các thầy cô giáo tìm nhiều các phương pháp giảng dạy khoa học hiện đại vào trong bài giảng giúp các em hiểu bài tốt hơn và có nhận định về nghề mình học có chiều sâu. Nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong sản xuất.

Trong nghề cắt gọt kim loại các thầy áp dụng những phần mềm mô phỏng vào trong giảng dạy như autocad, SSCNC, inventor... để giảng dạy các môn như tiện cnc cơ bản, phay cnc cơ bản.....Trong năm 2021 tình hình dịch Covid diễn biến phức tạp, đa số hoạt động giảng dạy cho học sinh trên nền tảng online, do đó đa phần giáo viên nghiên cứu các phần mềm giảng dạy trực tuyến như: Google Meet, Google Zoom để truyền tải hoạt động giảng dạy cho học sinh. Vì vậy, việc giảng dạy trên nền tảng online gặp rất nhiều khó khăn cho giáo viên và học sinh nhưng đa số giáo viên, học sinh của nhà trường đều khắc phục khó khăn để học sinh cùng lên lớp.

Tuy nhiên do kinh phí hạn chế, trình độ tiếp thu công nghệ của một số giáo viên còn hạn chế và phần mềm đa phần là do crack , bẻ khóa, giải mã... nên

giáo viên không sử dụng triệt để những chức năng của phần mềm, hay những ứng dụng còn hạn chế về mặt kỹ thuật, khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ cũng như trong giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu

Trường Trung cấp Gò Công là cơ sở đào tạo nghề trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Tiền Giang có chức năng đào tạo và cung ứng nguồn lao động có tay nghề cho thị trường lao động trong và ngoài tỉnh. Hàng năm ngay từ những ngày đầu năm học nhà trường tổ chức buổi gặp gỡ các học sinh khóa mới nhằm giới thiệu và cung cấp những thông tin liên quan đến chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ cho học sinh để các em an tâm khi đến học tại trường. Nội dung chương trình các thông tin gồm có chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy định về điều kiện tốt nghiệp chế thi và kiểm tra; quy chế đánh giá kết quả rèn luyện trong từng học kỳ, quy định về công tác học sinh, nội quy ký túc xá và quy chế nhà trường....

Công tác cơ sở vật chất, nơi ăn ở sinh hoạt vui chơi và học tập cho học sinh luôn được quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm phục vụ tốt cho học sinh khi đến học tại trường. Tranh thủ nguồn tài trợ của các doanh nghiệp và BHYT Thị xã Gò Công đầu tư trang bị thêm giường khám bệnh, mở rộng tủ thuốc và tăng thêm danh mục thuốc nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho công tác phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh khi xảy ra trường hợp tai nạn hoặc ốm đau đột xuất, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm cũng thường xuyên được kiểm tra.

Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm tạo đầu ra cho học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường, phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm đưa các thông tin về nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp lên bản tin đặt tại trường. Trong năm Nhà trường cũng đã phối hợp các doanh nghiệp tổ chức các buổi tư vấn về xuất khẩu lao động ngay tại trường, sắp xếp cho học sinh tiếp cận doanh nghiệp qua các đợt mở sàn giao dịch tại trung tâm dịch vụ việc làm Chi nhánh Thị xã Gò Công đây là dịp để học sinh tìm hiểu, trao đổi với doanh nghiệp về điều kiện cũng như nhu cầu của nhà tuyển dụng.

* Những điểm mạnh-

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác tạo đầu ra cho học sinh như thường xuyên liên hệ với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh gửi học sinh đi thực tập đúng theo chuyên ngành đã học đảm bảo theo kế hoạch đào tạo trong năm. Trong thời gian thực tập các em được rèn luyện thêm kỹ năng tay

nghề vừa là cơ hội cho các em làm quen với môi trường làm việc thực tế, rèn luyện tác phong công nghiệp.

Nhằm đáp ứng tốt cho nhu cầu ăn ở của học sinh Nhà trường có khu ký túc xá với trên 100 chỗ ở đáp ứng được phần nào cho nhu cầu của người học.

Nhằm đưa thông tin về nhu cầu tuyển dụng của công ty, doanh nghiệp Ban giám hiệu nhà trường đã phối hợp tổ chức đưa học sinh đến tham quan tìm hiểu tại các công ty, doanh nghiệp khi học sinh có nhu cầu.

* Những, tồn tại-

Công tác phối hợp với các doanh nghiệp chưa nhiều, hàng năm số lượng học sinh ra trường còn hạn chế ở một số nghề nên chưa đáp ứng cho thị trường lao động từ đó chưa thu hút các doanh nghiệp một phần cũng do Nhà trường chưa xây dựng được thương hiệu.

Số lượng doanh nghiệp phối hợp còn hạn chế ở một số nghề nên chưa đáp ứng nhu cầu của các học sinh. Tổ chức ngày hội việc làm số lượng doanh nghiệp tham gia còn hạn chế, qui mô và hình thức tổ chức còn hạn chế.

* Kế hoạch nâng cao chất lượng-

Hợp tác, ký nhiều hợp đồng liên kết với các Công ty, doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho trên 90% học sinh tìm được việc làm sau tốt nghiệp

.Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trước khi bắt đầu năm học mới, Trường tổ chức tuần sinh hoạt đầu khóa đối với học sinh tuyển mới, nội dung phổ biến các quy định đào tạo, các quyền lợi và nghĩa vụ của người học trong quá trình học nghề. Căn cứ các văn quy định hiện hành như Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp Thông tư số 17/2017/TT-

LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, Trường đã ban hành các quy định thực hiện dựa trên các văn bản quy định hiện hành này (**6.1.01-Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; 6.1.02-Quyết định quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; 6.1.03-Quyết định quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng; 6.1.04-Quyết định quy chế công tác học sinh; 6.1.05-Quyết định quy định nội quy học sinh**). Từ đó, nhà trường thường xuyên ban hành các văn bản thực hiện theo các quy định hiện hành, phục vụ tốt trong nhiệm vụ đào tạo nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Sau khi bắt đầu năm học mới, Trường tổ chức hướng dẫn học sinh thực hiện các biểu mẫu hỗ trợ miễn, giảm học phí, chính sách nội trú, vay vốn, hỗ trợ xe đạp, phần quà của Quỹ Bảo trợ xã hội ... theo quy định. Căn cứ vào các văn bản quy định hiện hành như Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/06/2016 hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp, Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi, bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/4/2008 của liên bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 09 năm 2007; Quyết định số

1196/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 07 năm 2003). Về việc tín dụng cho vay học sinh sinh viên.

Sau khi kết thúc từng học kỳ trong năm học, Trường tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt thành tích cao. Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-LĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng, Trường ban hành cụ thể quy định xét học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt thành tích cao, phân công cán bộ quản lý học sinh và hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập. Quyết định số 61/QĐ-TCGC ngày 6/5/2019 về việc ban hành quy chế Công tác học sinh của trường trung cấp Gò Công (**6.2.01- Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ, biểu mẫu các chế độ, chính sách theo quy định; 6.2.02- Bảng đề nghị kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định; 6.2.03- Danh sách học sinh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; 6.2.04- Quyết định cấp kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh; 6.2.05- Báo cáo tổng kết hàng năm về việc kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh**). Từ đó, nhà trường kịp thời thực hiện đúng các quyền lợi, chính sách cho người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường tổ chức cho người học tham gia các buổi tư vấn việc làm tại trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh hoặc khu vực, ngoài ra, Trường còn tổ chức riêng ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho người học tiếp xúc các đơn vị tuyển lao động trong và ngoài tỉnh (**6.3.01- Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; 6.3.02- Danh sách học sinh tham dự ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; 6.3.03- Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp; 6.3.04- Danh sách nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có các khu vực phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của HS như sân cầu lông, sân bóng chuyền, sân khấu cho văn hóa, văn nghệ... Các khu vực đều nằm trong khuôn viên nhà trường đảm bảo về công tác an ninh và quản lý. Các hoạt động thể thao được tổ chức vào cuối buổi chiều

sau giờ học. Bên cạnh đó Đoàn Thanh niên nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho HS vào các dịp kỷ niệm hoặc có sự kiện như kỷ niệm ngày 26 – 3, ngày 20 – 11, các phong trào do Thị Đoàn Gò Công, Tỉnh Đoàn Tiền Giang phát động, các giải khối các trường v.v. **(6.1.01 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho HS năm 2022-2023, 2023-2024), (6.1.02 - Các phong trào điển hình của Đoàn Thanh niên).**

Tuy nhiên, các hoạt động thể dục, thể thao chưa được đa dạng, còn hạn chế chỉ ở một số môn. Các khu vực thể thao ở ngoài trời nên còn phụ thuộc thời tiết. Hoạt động văn hóa, văn nghệ còn theo phong trào ở từng thời điểm, chưa có chiều sâu. Bên cạnh đó, trường cũng chưa có chế độ cụ thể cho đội thể thao, đội văn nghệ của nhà trường. Tiêu chuẩn này tự đánh giá là chưa đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 0 điểm

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: Giám sát đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu

Công tác kiểm tra, đánh giá nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo được nhà trường rất chú trọng, thường xuyên cải tiến và thực hiện nghiêm túc.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường luôn có kế hoạch giám sát và đánh giá chất lượng tại đơn vị với những phương pháp và hình thức linh hoạt, từ đó có biện pháp duy trì và cải tiến chất lượng đào tạo tại đơn vị.

** Những tồn tại:*

Nhà trường tiếp tục rà soát các biểu mẫu, phiếu khảo sát, cải tiến phương pháp, cách thức khảo sát nhằm đạt được kết quả chính xác, có độ tin cậy cao và nhanh chóng

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường tiếp tục rà soát các biểu mẫu, phiếu khảo sát, cải tiến phương pháp, cách thức khảo sát nhằm đạt được kết quả chính xác, có độ tin cậy cao và nhanh chóng; đồng thời trên cơ sở kết quả khảo sát thu được, tiến hành nghiên cứu điều chỉnh các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và mọi mặt công tác của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc năm học, nhà trường tiến hành thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh để tiếp thu ý kiến góp ý của các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất về mức độ đáp ứng, tiếp cận công việc của học sinh sau khi tốt nghiệp (7.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động; 7.1.02- Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động; 7.1.03- Danh sách đơn vị sử dụng lao động; 7.1.04- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động). Từ đó, nhà trường hoàn thiện, nâng cao hơn chương trình đào tạo đáp ứng theo nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc khóa đào tạo nghề, nhà trường tổ chức cho học sinh cuối khóa tham gia thi tốt nghiệp nghề và công nhận kết quả tốt nghiệp; tổ chức giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp đến các công ty, doanh nghiệp liên kết để làm việc và lập bảng tổng hợp tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường (7.2.01- Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp; 7.2.02- Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm; 7.2.03-Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp; 7.2.04- Bảng tổng hợp thu thập thông tin về việc làm của người học sau tốt nghiệp; 7.2.05- Báo cáo kết quả thực hiện điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm). Từ đó, nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, đáp ứng theo nhu cầu của người học.

Nhà trường tự đánh giá đáp ứng nội hàm tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản*

lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực đúng các quy định cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Đầu năm để thu thập ý kiến về công tác đánh giá cán bộ, giáo viên và người lao động; Việc thực hiện các chính sách liên quan đến dạy và học; chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động Nhà trường thông qua hội nghị CBVC đầu năm 2022 . Trong các đợt tuyển dụng viên chức Nhà trường đều công khai quy trình tuyển dụng, thông báo công khai kết quả điểm số viên chức tham gia tuyển dụng qua hệ thống văn phòng điện tử, Zalo nhóm; bảng tin nhà trường...Thông báo công khai đến các phòng, khoa các đợt chiêu sinh của Sở Nội vụ; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để viên chức quán triệt và đăng ký tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ (7.3.1 Biên bản hội nghị CBVC năm 2022; 7.3.2. Thông báo tuyển dụng đợt 1 và đợt 2 năm 2023; 7.3.3. Danh sách CBVC tham gia học lớp bồi dưỡng CBQL cấp phòng; 7.3.4. Danh sách tham dự lớp Bồi dưỡng chức danh viên chức giáo dục nghề nghiệp hạng III. 7.3.5. Bảng tổng hợp đánh giá viên chức năm 2023; 7.36. Bảng đánh giá chất lượng giáo viên năm 2023.)

Tiêu chuẩn 4: *Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, sau khi trường tổng kết quá trình thực hiện năm học vừa qua và báo cáo kế hoạch đào tạo của năm học tiếp theo, để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo cho người học, trường tổ chức thực hiện tiếp thu ý kiến, tâm tư nguyện vọng của học sinh trong quá trình học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường (7.4.01- Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học; 7.4.02- Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp; 2.1.09- Danh sách học sinh đầu năm học; 7.4.04- Danh sách học sinh được thu thập ý kiến đầu năm học; 7.4.05- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người

học). Từ đó, nhà trường hoàn thiện, nâng cao hơn chất lượng, phương thức đào tạo, ... đáp ứng theo nhu cầu của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm định chất lượng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá trường trung cấp theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để thực hiện xây dựng kế hoạch tự đánh giá và hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo **(7.5.01-Kế hoạch tự đánh giá đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN; 7.5.02-Quyết định thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng trường; 7.5.03-Quyết định thành lập ban thư ký, tổ trưởng tổ kiểm định)**

Hiện đã hoàn tất Báo cáo Tự đánh giá chất lượng trường. Nộp báo cáo về Sở lao động Thương binh và xã hội Tiền Giang đồng thời nộp về Tổng cục giáo dục nghề nghiệp **(7.5.04-Báo cáo tự đánh giá kiểm định)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm kiểm tra đánh giá các hoạt động của trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng kiểm định. Nhà trường đã tiếp tục thực hiện thu thập các thông tin, minh chứng, rà soát các hoạt động từ năm học 2017 - 2019 và tiến hành cập nhật mới cơ sở dữ liệu, minh chứng và hoàn chỉnh báo cáo Tự đánh giá nhà trường. **(7.6.01-Kế hoạch tự đánh giá đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN; 7.6.02-Quyết định thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng trường; 9.4.03-Quyết định thành lập ban thư ký, tổ trưởng tổ kiểm định)**

Theo kế hoạch, sau khi tiến hành tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH, trong năm 2018, nhà trường sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể và đề ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá của nhà trường. **(7.6.03-Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người

học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc khóa đào tạo nghề, nhà trường tổ chức cho học sinh cuối khóa tham gia thi tốt nghiệp nghề và công nhận kết quả tốt nghiệp; tổ chức giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp đến các công ty, doanh nghiệp liên kết để làm việc và lập bảng tổng hợp tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường, căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường đã ban hành quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp áp dụng trong quá trình đào tạo (**7.2.01- Kế hoạch điều tra lần vết học sinh sau khi tốt nghiệp; 7.2.02- Phiếu khảo sát học sinh sau khi tốt nghiệp về việc làm và chất lượng đào tạo; 7.2.03- Quyết định và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp; 7.2.04- Báo cáo kết quả điều tra lần vết học sinh sau khi tốt nghiệp**). Từ đó, nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, đáp ứng theo nhu cầu của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc khóa đào tạo nghề, nhà trường tổ chức cho học sinh cuối khóa tham gia thi tốt nghiệp nghề và công nhận kết quả tốt nghiệp; tổ chức giới thiệu việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp đến các công ty, doanh nghiệp liên kết để làm việc và lập bảng tổng hợp tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp ra trường (**7.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động; 7.1.02- Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động; 7.1.03- Danh sách đơn vị sử dụng lao động; 7.1.04- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động**). Từ đó, nhà trường có kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, đáp ứng theo nhu cầu của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN 3: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đội ngũ cán bộ quản lý đa số còn trẻ và ít kinh nghiệm, cần tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ quản lý.

Công tác quản lý chuyên môn của giáo viên cần được lãnh đạo khoa và quan tâm nhiều hơn. Đẩy mạnh công tác dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn cần được có kế hoạch sinh hoạt định kỳ, hàng tháng. Cần có kế hoạch bồi dưỡng,

nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, ban thanh tra nhân dân để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Khoa đang xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ nghề theo quy định.

Khoa cũng sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề, gắn với việc giải quyết việc làm cho học sinh sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào dạy học. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các trường bạn để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên về trang thiết bị phục vụ đào tạo của nghề vẫn chưa đáp ứng về số lượng giảng dạy nhưng về chủng loại thì vẫn chưa đa dạng cho học sinh thực hành. Cần đầu tư về trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo nghề Điện công nghiệp.

Về sáng kiến kinh nghiệm, các công trình nghiên cứu khoa học trong giảng dạy còn hạn chế, chưa khai thác hết năng lực thiết bị hiện có của Trường.

Tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học ứng dụng những thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh.

Tổ chức thi đua áp dụng thành tựu khoa học vào cải tiến phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học, mô hình dạy học,

Tổ chức cho giáo viên tham quan học tập một số trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục nghề nghiệp và có kế hoạch cử giáo viên đi thực tế tại các công ty, xí nghiệp liên kết với trường trong việc giảng dạy và quản lý học sinh trong thời gian thực tập sản xuất.

Chính sách khuyến khích và khen thưởng cán bộ, giáo viên, có thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học chưa tương xứng với thành quả đạt được.

Hợp tác, ký nhiều hợp đồng liên kết với các Công ty, doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho trên 90% học sinh tìm được việc làm sau tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất: Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề Cắt gọt kim loại.
2. Kiến nghị: không có

Mẫu 3.3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Phiếu thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo nghề
2.			1.1.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại
3.	1	2	1.2.01		Kế hoạch đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại
4.	2	1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh
5.			2.1.02		Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh
6.			2.1.03		Thông báo tuyển sinh
7.			2.1.04		Quyết định số 02/QĐ-TCGC ngày 03/01/2023 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023
8.			2.1.05		Hồ sơ đăng ký học
9.			2.1.06		Biên bản họp xét tuyển và danh sách xét tuyển
10.			2.1.07		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển
11.			2.1.08		Báo cáo công tác tuyển sinh
12.			2.1.09		Danh sách học sinh nhập học và quyết định phân lớp

13.			2.1.10		Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh
14.	2	2		1.2.01	Kế hoạch đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại
15.			2.2.01		Tiến độ đào tạo năm học 2019- 2020, 2020- 2021
16.			2.2.02		Kế hoạch giáo viên năm học 2021 – 2023 và niên khóa 2022 - 2024
17.			2.2.04		Sổ lên lớp năm học 2022-2023, giáo án năm học 2022-2023, Các giáo án điện tử của giáo viên, sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, sổ theo dõi tình hình giảng dạy
18.	2	3	2.3.01		Các biên bản giám sát đào tạo nghề cho LĐNT các năm
19.				2.2.04	Sổ lên lớp năm học 2022-2023, giáo án năm học 2022-2023, Các giáo án điện tử của giáo viên, sổ tay giáo viên năm học 2022-2023, sổ theo dõi tình hình giảng dạy
20.			2.3.02		Phần mềm quản lý eduman, Phần mềm trộn đề thi McMix
21.			2.3.03		Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất; Phiếu dự giờ
22.			2.3.04		Danh sách các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học
23.				2.2.02	Kế hoạch giáo viên năm học 2021 – 2023 và niên khóa 2022 - 2024
24.				1.2.01	Kế hoạch đào tạo lớp cắt gọt

					kim loại 22-23
25.	2	4	2.4.01		Công văn gửi học sinh thực tập
26.			2.4.02		Kế hoạch thực tập tốt nghiệp
27.			2.4.03		Danh sách Giáo viên hướng dẫn và học sinh thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động
28.			2.4.04		Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
29.			2.4.05		Bảng điểm thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
30.			2.4.06		Danh sách người học tốt nghiệp
31.			2.4.07		Báo cáo kết quả thực tập tốt nghiệp của giáo viên và học sinh
32.	2	5	2.5.01		Quyết định số 213/QĐ-TCGC ngày 28/8/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
33.				2.1.09	Danh sách học sinh năm học 2022,2023
34.			2.5.03		Biên bản xét điều kiện dự thi tốt nghiệp 2022, 2023
35.			2.5.04		Danh sách học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp
36.			2.5.05		Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2022,2023
37.			2.5.06		Các quyết định thành lập HĐ thi tốt nghiệp năm 2022,

					2023
38.			2.5.07		Quyết định thành lập Ban coi thi, ban chấm thi, ban Thư ký thi tốt nghiệp năm 2022, 2023
39.			2.5.08		Danh sách dự thi tốt nghiệp năm 2022, 2023
40.			2.5.09		Biên bản xét công nhận tốt nghiệp cho học sinh năm 2022, 2023
41.			2.5.10		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2022, 2023
42.			2.5.11		Báo cáo kết quả công tác tổ chức thi tốt nghiệp năm 2022, 2023
43.			2.5.12		Báo cáo tổng kết năm học
44.			2.5.13		Quy trình quản lý phôi bằng, chứng chỉ
45.			2.5.14		Sổ quản lý phôi bằng trung cấp, sơ cấp, chứng chỉ
46.	2	6	2.6.01		Sổ theo dõi giảng dạy
47.				2.2.07	Sổ theo dõi của phòng đào tạo
48.				2.3.04	Biên bản kiểm tra định kỳ, đột xuất, phiếu dự giờ
49.			2.6.04		Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ năm 2022, 2023
50.	3	1	3.1.01		Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên
51.			3.1.02		Báo cáo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ
52.			3.1.03		Danh sách cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2021,

					2022
53.		2	3.2.01		QĐ số 359/QĐ-TCGC ngày 07/12/2023 quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm
54.			3.2.02		Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động Trường Trung cấp Gò Công năm 2021
55.	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo
56.			3.3.02		Quyết định phân công định mức giáo viên năm học 2022, 2023
57.			3.3.03		Quy định của nhà trường về chế độ làm việc của nhà giáo.
58.			3.3.04		Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi học sinh/giáo viên
59.				1.2.01	Kế hoạch đào tạo năm học 2022, 2023.
60.			3.3.06		Danh sách giáo viên nghề cắt gọt kim loại năm 2022, 2023.
61.				2.1.09	Danh sách học sinh năm học 2022,2023
62.			3.3.08		Hồ sơ tổng hợp thanh toán chế độ giáo viên năm 2022, 2023.
63.			3.3.09		Bảng tổng hợp số học sinh các khóa
64.			3.3.10		Bảng thống kê số lượng giáo viên đáp ứng với các nghề

					đào tạo.
65.	3	4	3.4.01		Kế hoạch tổ chức thao giảng cấp khoa, hội giảng cấp trường năm 2022, 2023.
66.			3.4.02		Danh sách giáo viên tham gia thao giảng cấp khoa, hội giảng cấp trường và toàn quốc.
67.			3.4.03		Danh sách đăng ký các sáng kiến, cải tiến trong dạy học các năm 2022, 2023.
68.			3.4.04		Danh mục các sáng kiến, cải tiến trong dạy học và các danh hiệu bằng khen đạt được các năm.
69.	3	5	3.5.01		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2022-2023
70.			3.5.02		Danh sách bồi dưỡng năm 2022-2023.
71.			3.5.03		Công văn đăng ký nhu cầu bồi dưỡng các năm 2022, 2023 của Sở LĐT&XH Tiền Giang, Tổng cục GDNN
72.			3.5.04		Báo cáo tháng, báo cáo năm
73.	3	6	3.6.01		Kế hoạch thực tập sản xuất
74.			3.6.02		Danh sách các giáo viên tham gia thực tập tại doanh nghiệp
75.	3	7		3.3.01	Hồ sơ giáo viên lưu tại phòng TCHC
76.				3.3.02	Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên
77.				3.3.03	Báo cáo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ

78.				3.3.04	Kế hoạch bồi dưỡng năm 2022, 2023
79.	3	8		3.2.01	QĐ số 359/QĐ-TCGC ngày 07/12/2023 quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm
80.				3.2.02	Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động Trường Trung cấp Gò Công năm 2021
81.	4	1	4.1.01		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
82.			4.1.02		Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình.
83.			4.1.03		Biên bản họp thẩm định các chương trình.
84.				1.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
85.			4.1.04		Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình
86.			4.1.05		Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp
87.			4.1.06		Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
88.	4	2		1.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
89.				4.1.01	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình

					đào tạo
90.				4.1.06	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
91.				4.1.03	Biên bản họp thẩm định các chương trình
92.				4.1.05	Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình
93.			4.2.01		Chương trình chi tiết các môn học, mô đun nghề cắt gọt kim loại
94.				4.1.07	Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về chương trình đào tạo
95.	4	3		1.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
96.				4.1.02	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
97.			4.3.01		Các bản đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo của các doanh nghiệp
98.			4.3.02		Các bản báo cáo thực tập của học sinh
99.			4.3.03		Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
100.	4	4		4.1.01	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
101.				4.1.02	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
102.				4.1.03	Biên bản họp thẩm định các

					chương trình
103.				4.1.04	Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình
104.				1.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
105.	4	5		4.1.01	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
106.				4.1.02	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
107.				4.1.03	Biên bản họp thẩm định các chương trình
108.				4.1.04	Danh sách cán bộ, chuyên gia ngoài trường tham gia xây dựng chương trình
109.				4.1.05	Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp
110.				4.2.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun
111.			4.5.01		Quyết định ban hành quy chế đào tạo
112.	4	6		1.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
113.				4.1.01	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
114.				4.1.02	Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
115.				4.1.03	Biên bản họp thẩm định các chương trình
116.				4.2.01	Chương trình chi tiết các môn

					học, mô đun
117.	4	7	4.7.01		Quyết định về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường Trung cấp Gò Công
118.				4.2.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun
119.	4	8		4.7.01	Quyết định về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp của trường Trung cấp Gò Công
120.				4.2.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun
121.				4.1.03	Biên bản họp thẩm định các chương trình
122.			4.8.01		Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Cao đẳng Tiền Giang
123.			4.8.02		Bản ghi nhớ hợp tác đào tạo liên thông giữa trường Trung cấp Gò Công với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long
124.	4	9	4.9.01		Danh sách thống kê giáo trình theo CTĐT, CTCT
125.			4.9.02		Bản in các giáo trình của chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại
126.				1.1.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
127.				4.2.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun nghề cắt gọt kim loại

128.	4	10	4.10.1		Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và CTĐT chi tiết kèm theo.
129.			4.10.02		Giáo trình đào tạo trước và sau khi CTĐT có sự thay đổi.
130.				4.1.04	Quyết định ban hành chương trình và CTĐT chi tiết kèm theo
131.				4.9.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp
132.				4.9.02	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề cắt gọt kim loại
133.	4	11		4.1.04	Quyết định ban hành chương trình và CTĐT chi tiết kèm theo
134.				4.9.01	Danh mục các giáo trình do Trường biên soạn
135.			4.11.01		Các quyết định của Hiệu trưởng Trường TCGC về việc phê duyệt ban hành sử dụng các giáo trình do Trường biên soạn
136.				4.9.02	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
137.				4.1.07	Phiếu lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp
138.			4.11.02		Các Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
139.			4.11.03		Biên bản họp thẩm định các chương trình

140.			4.11.04		Kế hoạch điều chỉnh, cập nhật chương trình, giáo trình trình độ trung cấp năm 2023
141.			4.11.05		Quyết định thành lập hội đồng điều chỉnh, cập nhật chương trình, giáo trình trình độ trung cấp năm 2023
142.			4.11.06		Quyết định thành lập ban chủ nhiệm điều chỉnh, cập nhật chương trình, giáo trình trình độ trung cấp năm 2023.
143.			4.11.07		Quyết định ban hành chương trình, giáo trình sau khi rà soát 2023
144.	4	12		4.1.04	Quyết định ban hành chương trình và CTĐT chi tiết kèm theo
145.				4.11.02	Các Quyết định thành lập các ban chủ nhiệm xây dựng, điều chỉnh chương trình, giáo trình
146.			4.12.01		Các bản đóng góp ý kiến về chương trình đào tạo của các doanh nghiệp
147.	5	2	5.2.01		Danh mục thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo.
148.			5.2.02		Tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng
149.			5.2.03		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm
150.			5.2.04		Biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo của các cơ

					quan quản lý
151.			5.2.05		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT.
152.			5.2.06		Ý kiến của các đối tượng có liên quan
153.	5	3	5.3.01		Giấy chứng nhận đăng kí hoạt động giáo dục nghề nghiệp
154.			5.3.02		Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng, Mẫu số: S32-H. Ban hành kèm theo QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC
155.	5	4	5.4.01		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo
156.			5.4.02		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt; hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ
157.			5.4.03		Văn bản của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan chức năng đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ
158.				5.2.01	Danh mục thiết bị đào tạo (kèm theo hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng
159.			5.4.05		Quy chế mua sắm, sử dụng và quản lý tài sản, ban hành

					kèm theo quyết định của Hiệu trưởng trường trung cấp Gò Công
160.			5.4.06		Văn bản/tài liệu đánh giá về việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm
161.				5.2.06	Ý kiến của các đối tượng có liên quan
162.	5	5	5.5.01		Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo.
163.			5.5.02		Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.
164.			5.5.03		Văn bản/ tài liệu thể hiện thực hiện đúng định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo.
165.	5	8	5.8.01		Biên bản bàn giao thực tế thiết bị theo chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020
166.			5.8.02		Danh mục thiết bị dạy nghề của nhà trường;
167.			5.8.03		Biên bản kiểm kê hàng năm của đơn vị
168.			5.8.04		Danh mục thiết bị tối thiểu của các nghề do Bộ LĐTBXH ban hành
169.				2.1.09	Danh sách học sinh năm học 2022,2023
170.			5.8.06		Thời khoá biểu năm học 2020 – 2021
171.			5.8.07		Bảng thống kê xưởng thực hành

172.			5.8.08		Báo cáo đánh giá của người học, giáo viên, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo
173.	6	2	6.2.01		Thông báo về việc hướng dẫn thực hiện hồ sơ, biểu mẫu các chế độ, chính sách theo quy định
174.			6.2.02		Bảng đề nghị kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định
175.			6.2.03		Danh sách học sinh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định
176.			6.2.04		Quyết định cấp kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh
177.			6.2.05		Báo cáo tổng kết hàng năm về việc kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định cho học sinh
178.	6	3	6.3.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp
179.			6.3.02		Danh sách học sinh tham dự ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp
180.			6.3.03		Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp
181.			6.3.04		Danh sách nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp
182.	6	4	6.4.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho

					HS năm 2022-2023
183.			6.4.02		Các phong trào điển hình của Đoàn Thanh niên
184.	7	1	7.1.01		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động
185.			7.1.02		Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động
186.			7.1.03		Danh sách đơn vị sử dụng lao động
187.			7.1.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động
188.	7	2	7.2.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp
189.			7.2.02		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm
190.			7.2.03		Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
191.			7.2.04		Bảng tổng hợp thu thập thông tin về việc làm của người học sau tốt nghiệp
192.			7.2.05		Báo cáo kết quả thực hiện điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm
193.	7	3	7.3.01		Biên bản Hội nghị CBVC năm 2022 Ngày 17/12/2021
194.			7.3.02		Kế hoạch 25/KH-TCGC ngày 07/3/2023 của Trường Trung cấp Gò Công về việc tuyển dụng viên chức Đợt 1 năm 2023; Thông báo tuyển dụng viên chức số 44/TB-TCGC

					ngày 15/08/2023
195.			7.3.03		Danh sách viên chức tham gia bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng số 40/TCGC ngày 15/3/2022
196.			7.3.04		Danh sách tham gia bồi dưỡng chức danh viên chức GDNN hạng III
197.			7.3.05		Bảng Tổng hợp đánh giá xếp loại viên chức năm 2023
198.			7.3.06		Bảng Đánh giá chất lượng giáo viên năm 2023
199.	7	4	7.4.01		Kế hoạch thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học
200.			7.4.02		Phiếu khảo sát của học sinh sau khi tốt nghiệp
201.				2.1.09	Danh sách học sinh năm học 2022,2023
202.			7.4.04		Danh sách học sinh được thu thập ý kiến đầu năm học
203.			7.4.05		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học
204.	7	7		7.2.01	Kế hoạch điều tra lần vết học sinh sau khi tốt nghiệp
205.				7.2.02	Phiếu khảo sát học sinh sau

					khi tốt nghiệp về việc làm và chất lượng đào tạo
206.				7.2.03	Quyết định và danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp
207.				7.2.04	Báo cáo kết quả điều tra lần vết học sinh sau khi tốt nghiệp
208.	7	8		7.1.01	Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động
209.				7.1.02	Phiếu khảo sát ý kiến của đơn vị sử dụng lao động

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Hòa